



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

VITRANSCHART JSC

WWW.VITRANSCHART.COM.VN


BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

1.1. Thông tin Công ty

Tên Công ty	Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
Tên Tiếng Anh	Viet Nam Sea Transport and Chartering Joint Stock Company
Tên viết tắt	Vitranschart JSC
Mã cổ phiếu	VST
Vốn điều lệ	689.993.370.000 VND
Trụ sở chính	428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP.HCM
Điện thoại	(028) 3940 4271
Website	www.vitranschart.com.vn
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 25 tháng 11 năm 2024 với mã doanh nghiệp là 0300448709
Logo	

1.2. Quá trình hình thành và phát triển:

1975	Công ty Vận tải biển Miền Nam Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 16 VP/QĐ/TC, Tổng cục Giao thông vận tải
1976	Theo Quyết định số 4683/QĐ-TC của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xác định Công ty Vận tải biển Miền Nam Việt Nam (SOVOSCO) là Xí nghiệp vận tải thuộc Cục đường biển Việt Nam.
1984	Công ty Vận tải và Thuê tàu biển “Transchart” và “Công ty Vận tải biển Sovosco” được hợp nhất thành Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart) trực thuộc Tổng cục Đường biển Việt Nam theo Quyết định số 706/TCCB của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
1993	Bộ Giao thông vận tải đã ban hành việc thành lập lại DNNN Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam trực thuộc Cục Hàng Hải Việt Nam theo Quyết định số 377/QĐ-TCCB-LĐ, tên giao dịch quốc tế là Vietnam Sea transport and Chartering Company (Vitranschart).
2007	Công ty Cổ phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam được thành lập – Tên viết tắt là Vitranschart JSC.
2009	Ngày 20/2/2009, SGDCK TP.HCM cấp Giấy chứng nhận niêm yết số 14/QĐSGDHCM cho phép Công ty được niêm yết 40 triệu cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và mã cổ phiếu VST chính thức được giao dịch vào ngày 26/2/2009.
2010	Công ty tăng vốn điều lệ từ 400.000.000.000 đồng lên 589.993.370.000 đồng để phục vụ cho hoạt động mở rộng sản xuất kinh doanh.
2015	Ngày 10/06/2015, Công ty đăng ký giao dịch trên sàn của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (Upcom) với mã cổ phiếu VST.
	Từ năm 2018 đến nay, Công ty trải qua 04 lần tăng vốn điều lệ để tái cơ cấu tài chính:

	<ul style="list-style-type: none"> - Năm 2018: Tăng từ 589.993.370.000 đồng lên 609.993.370.000 đồng; - Năm 2020: Tăng từ 609.993.370.000 đồng lên 629.993.370.000 đồng; - Tháng 02.2023: Tăng từ 629.993.370.000 đồng lên 669.993.370.000 đồng; - Tháng 11.2024: Tăng từ 669.993.370.000 đồng lên 689.993.370.000 đồng.
2015-nay	Công ty tập trung mọi nguồn lực để duy trì hoạt động ổn định, tái cấu trúc toàn diện bao gồm mô hình tổ chức, phương thức kinh doanh, tái cơ cấu tài chính,..., Đặc biệt bút phá trong giai đoạn 2020-2024, vượt qua khó khăn về tài chính và những trở ngại trong kinh doanh, đến nay đã cơ bản giải quyết xong các tồn tại, vững bước phát triển.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

- Vận tải biển: Là lĩnh vực kinh doanh then chốt của Công ty, chuyên về khai thác, cho thuê tàu với năng lực đội tàu gồm 05 chiếc có trọng tải từ 6.500 DWT đến 24.000 DWT, chuyên chở hàng khô rời đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng trong nước và quốc tế. Sau khi bán và bàn giao thành công tàu Viễn Đông 3 vào cuối tháng 11/2024, đội tàu còn 04 chiếc, tổng trọng tải hơn 92.000 DWT.
- Tuyển dụng và cung ứng lao động hàng hải: Tuyển dụng, đào tạo, cung cấp thuyền viên có trình độ và kinh nghiệm cho đội tàu Công ty và các chủ tàu trong nước, ngoài nước (Nhật Bản, Đài Loan, v.v...).

2.2. Địa bàn kinh doanh: (Tính theo số chuyến khai thác trong năm).

Địa bàn	Tỷ trọng (%) 2024	Tỷ trọng (%) 2023
Khu vực Đông Nam Á	40%	10%
Khu vực Trung Đông - Nam Á/ Đông Nam Á/ Đông Bắc Á	11%	18%
Khu vực Đông Nam Á - Đông Bắc Á - Đông Nam Á	11%	34%
Khu vực Đông Nam Á - Nam Á	25%	14%
Khu vực Nam Á	3%	6%
Khu vực Bắc Á - Đông Bắc Á - Nam Á	9%	9%
Tổng cộng	100%	100%

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị Công ty theo quy định tại điểm a, Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, theo đó gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

Vitranschart JSC là đơn vị thành viên của **Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (VIMC)**. Số lượng cổ phần VIMC nắm giữ đến thời điểm báo cáo: 29.888.000 cổ phần, chiếm 43,32% vốn điều lệ của Vitranschart JSC.

Trụ sở chính VIMC: Tầng 17, tòa nhà Ocean Park - Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh chính của VIMC:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, đường thủy nội địa, đường bộ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải.
- Hoạt động điều hành cảng biển, cảng đường thủy nội địa.
- Hoạt động đại lý, giao nhận vận chuyên, logistics; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Công ty con

Công ty TNHH Cung ứng Thuyền viên SCC (SCCM)

Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng Tỷ lệ góp vốn: 100%

Trụ sở chính: Số 36 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đakao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh:

- Quản lý và Cung ứng lao động hàng hải;
- Các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;

Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng (Hai Dang SMC)

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng Tỷ lệ góp vốn: 100%

Trụ sở chính: Số 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh:

- Kinh doanh vận tải biển, bao gồm Thuê và Cho thuê tàu biển;
- Dịch vụ quản lý tàu biển Các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, tàu biển;

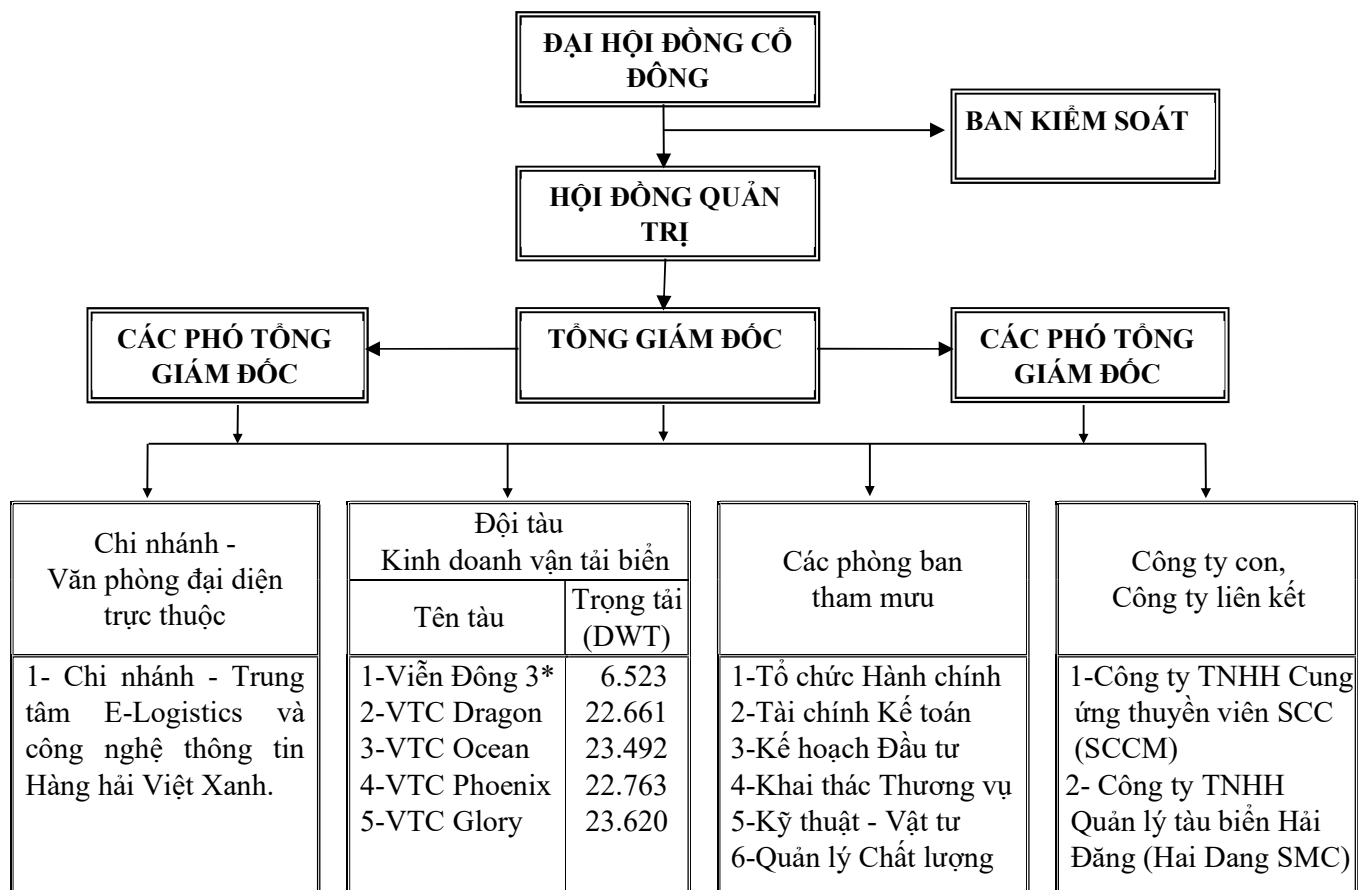
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam – Trung tâm E-Logistic và công nghệ thông tin hàng hải Việt Xanh (Vietgreen Center)

Trụ sở chính: Số 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh:

- Dịch vụ logistics thương mại điện tử _ E-logistics.
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng thiết bị hàng hải, thiết bị thông tin liên lạc hàng hải,

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:



Ghi chú: (*) Tàu Viên Đông 3 đã được bán thành công và bàn giao vào ngày 26/11/2024.

4. Định hướng phát triển

✚ **Phương án kinh doanh:** Mục tiêu chủ yếu của Công ty là ổn định và phát triển các dịch vụ kinh doanh chủ lực, tìm kiếm cơ hội đầu tư, thường xuyên phát triển quan hệ kinh doanh với các đối tác nước ngoài. Khai thác tốt các nguồn lực về vốn, nhân sự, đại lý, tập trung đầu tư và nâng cao chất lượng các dịch vụ cơ bản, sàng lọc loại bỏ các dịch vụ hiệu quả thấp.

✚ **Kế hoạch tài chính:**

- Thực hiện cơ cấu tài chính, cơ cấu các khoản nợ vay phù hợp với tình hình thực tế.
- Thông qua VIMC để tiếp tục kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét cho Vitranschart JSC được xóa lãi vay và khoan nợ gốc đối với các dự án đầu tư đóng mới theo chỉ đạo trước đây của Chính phủ tại Ngân hàng phát triển Việt Nam (VDB).

✚ **Phát triển nguồn nhân lực:**

- Rà soát lao động hiện có nhằm điều chỉnh, phân bổ, tuyển dụng, sử dụng, đào tạo hợp lý.
- Vận hành Hệ thống chỉ số đánh giá hiệu quả công việc trọng yếu (Key Performance Indicator - KPI) theo phương pháp thẻ điểm cân bằng (Balanced Scorecard - BSC) và tích hợp trả lương 3Ps.
- Đánh giá đúng mức cán bộ trên cơ sở khả năng, năng lực công tác, có chính sách đãi ngộ đối với cán bộ giỏi, có năng lực.
- Phân công công việc đúng năng lực trình độ của mỗi người lao động.
- Định biên phù hợp với nhiệm vụ, công việc: Định biên lại theo trung bình tiên tiến, cùng với xu hướng giảm dần định biên hiện nay đối với tất cả các khối, đặc biệt là khối gián tiếp (phục vụ, quản lý).
- Nghiêm túc thực hiện đánh giá năng lực thuyền viên, phỏng vấn trước khi Công ty thuê và bố trí lên tàu.
- Chú trọng công tác đào tạo, huấn luyện, nâng cao chất lượng tay nghề, nghiệp vụ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ cũng như đạo đức nghề nghiệp cho các thuyền viên;

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Chiến lược phát triển bền vững với trách nhiệm xã hội là nền tảng đã, đang và sẽ luôn là trọng tâm trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Vitranschart JSC, bởi sự thành công của một doanh nghiệp không đơn thuần là những con số doanh thu thể hiện trên báo cáo tài chính mà còn là những giá trị thiết thực và lâu dài mà doanh nghiệp đó xây dựng, đóng góp cho cộng đồng.

Vitranchart JSC luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường, xử lý những chất thải cũng như không ngừng tìm tòi thêm sáng kiến, phương pháp nhằm sử dụng hiệu quả nhiên liệu, giảm tối đa khí thải gây nên hiệu ứng nhà kính, bảo đảm môi trường biển xanh sạch theo quy định của IMO. Ngoài ra, định kỳ Công ty phát động các phong trào làm sạch đẹp văn phòng và đường phố nơi Văn phòng tọa lạc.

Thực hiện tốt các chế độ, chính sách, đảm bảo đời sống, việc làm đối với cán bộ nhân viên, sỹ quan thuyền viên để người lao động yên tâm công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tiếp tục xây dựng, tổ chức các hoạt động tập thể, phong trào thi đua của Công đoàn Công ty, góp phần nâng cao tinh thần gắn bó giữa cán bộ nhân viên, sỹ quan thuyền viên trong Công ty, duy trì các hoạt động "Đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn" của Công ty nhằm nâng cao tinh thần tương thân tương ái của CBNV với xã hội và cộng đồng, đồng thời giữ vững và phát huy truyền thống tốt đẹp của Công ty.

5. Các yếu tố rủi ro:

5.1. Rủi ro kinh tế và chính trị

Kinh tế thế giới năm 2024 đã hứng chịu không ít rủi ro do các cuộc xung đột địa chính trị kéo dài ở Ukraine, Trung Đông ...; bất ổn chính trị ở hàng loạt nền kinh tế lớn như Đức, Pháp, Hàn Quốc...; Phe cánh hữu và dân túy trỗi dậy sau các cuộc bầu cử nghị viện châu Âu và một số nước ở

"Lục địa già"; Sự trở lại của Tỷ phú Donald Trump và chính sách "Nước Mỹ trước tiên" sau vòng đua giành ghế chủ nhân Nhà Trắng ở Mỹ, kéo theo nguy cơ xảy ra cuộc chiến thương mại mới... Đó còn là xu hướng phân mảnh thị trường và công nghệ thế giới ngày càng rõ rệt, thể hiện qua sự mở rộng của khối BRICS và các biện pháp trừng phạt của Mỹ, làm suy yếu hợp tác quốc tế cũng như hiệu quả của chuỗi cung ứng toàn cầu. Những diễn biến này đặt ra thách thức mới cho sự ổn định và tăng trưởng kinh tế thế giới.

5.2. Rủi ro pháp luật

Là doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức cổ phần và đã đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, vì vậy Công ty chịu sự hướng dẫn và quản lý chặt chẽ bởi các văn bản pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Hàng hải và các Nghị định, thông tư liên quan. Các văn bản pháp lý của nước ta đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn rất nhiều bất cập, chưa rõ ràng để thực thi và thường xuyên thay đổi, điều này đã tác động đến tình hình hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty.

Mặt khác, hoạt động chính của đội tàu Công ty là chuyên chở hàng khô rời thông qua đường biển và giao thương với quốc tế, do đó đội tàu Công ty phải tuân thủ các Bộ luật, các công ước và thông lệ quốc tế về hàng hải rất khắt khe. Ngoài luật và thông lệ quốc tế, đội tàu Công ty cũng phải tuân thủ luật và thông lệ của các quốc gia và vùng lãnh thổ nơi đội tàu khai thác. Công ty sẽ chịu nhiều rủi ro một khi có sự thay đổi bất chợt về luật định.

Do đặc thù luật và thông lệ hàng hải quốc tế, Công ty cũng phải đối mặt với rủi ro bắt giữ tàu xuất phát từ các tranh chấp hay khiếu nại hàng hải. Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và Công ước Lao động Hàng hải 2006 (MLC 2006 có yêu cầu khắt khe; Các Quy định về lương Bảo hiểm xã hội và mức lương tối thiểu vùng vẫn còn nhiều bất cập để áp dụng cho thuyền viên trong thời gian nghỉ dự trữ).

Gần đây IMO đưa vào áp dụng nhiều quy định mới: Quy định về Quản lý nước dẫn (đội tàu phải lắp đặt thiết bị xử lý nước dẫn thì mới được tham gia vào hoạt động tuyến Quốc tế), cũng như quy định về quản lý phát thải khí Carbon nên đội tàu phải lắp đặt thiết bị kiểm soát công suất máy chính dẫn đến công suất khai thác hiện tại của máy chính chỉ còn 65% công suất ban đầu, các quy định này làm phát sinh rủi ro tàu không đạt được tốc độ hợp đồng trong khai thác, khó khăn để đáp ứng được yêu cầu của người thuê.

Để hạn chế những ảnh hưởng của rủi ro pháp luật, Công ty thường xuyên theo dõi và cập nhật những văn bản pháp lý mới nhất nhằm có sự thay đổi về chính sách, kế hoạch hoạt động để kịp thời triển khai các biện pháp hướng đến tuân thủ các quy định mới, chú trọng công tác quản trị rủi ro, nhằm giảm thiểu tối đa các rủi ro trong quá trình hoạt động kinh doanh.

5.3. Rủi ro hàng hải

Ngành vận tải biển là ngành chịu tác động trực tiếp bởi các yếu tố tiêu cực của thời tiết như bão, lốc xoáy, sóng thần, ... Những năm gần đây, do biến đổi khí hậu toàn cầu nên diễn biến thời tiết ngày càng phức tạp và luôn tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Các nhân tố trên không chỉ ảnh hưởng đến vận hành của tàu biển, gây chậm trễ hàng hóa mà còn liên quan đến sự an toàn tính mạng của con người. Ngoài ra, Công ty còn phải đối diện với các vấn nạn quốc tế như nạn bắt cóc, cướp biển, bất ổn chính trị ngày càng lan rộng ra nhiều vùng biển....

Hiện nay tình hình chiến tranh giữa Nga và Ukraine làm phát sinh nhiều rủi ro cho việc tàu bị lưu giữ, phí bảo hiểm tăng cao, cũng như bị hạn chế trong quá trình khai thác liên quan việc các chính sách cấm vận khi tàu hoạt động tại các nước này.

Tình hình bất ổn của lực lượng nổi dậy Houthis ở Yemen tại Biển Đỏ làm phát sinh nhiều rủi ro tàu bị tấn công khi đi qua hoặc hoạt động các vùng lân cận.

Thời gian gần đây liên tục xảy ra nhiều vụ trộm cắp phụ tùng vật tư và tấn công thuyền viên khi tàu hành hải và neo đậu tại khu vực Singapore và luồng Malacca..., làm phát sinh nhiều rủi ro cho đội tàu khi hoạt động trong khu vực này nhất là khi tàu đầy hàng.

Trong năm vừa qua Chính quyền tại các cảng của Trung Quốc đã tăng cường kiểm tra và xử phạt hành chính theo các quy định địa phương mà Trung Quốc ban hành, gây khó khăn và phát sinh nhiều chi phí để giải quyết cũng như Thuyền trưởng bị cấm quay lại cảng Trung Quốc trong một thời gian nhất định nếu đã vi phạm.

Công ty có chính sách mua bảo hiểm cho con người, tài sản để bảo hiểm cho các rủi ro có thể gây ra tổn thất, đồng thời đảm bảo trang bị các thiết bị an toàn cho người lao động tham gia trực tiếp vào hành trình vận chuyển hàng hóa.

5.4. Rủi ro nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực của ngành vận tải biển tương đối khan hiếm do những đòi hỏi gắt gao về trình độ chuyên môn, kỹ thuật cũng như kinh nghiệm khi xử lý các tình huống nguy hiểm có thể xảy ra trong quá trình vận chuyển trên biển. Trong bối cảnh thị trường lao động ngày càng cạnh tranh gay gắt như hiện nay, việc thu hút và gìn giữ lao động giỏi, có khả năng đáp ứng công việc là mối quan tâm hàng đầu của Công ty, theo đó việc Công ty tuân thủ nghiêm túc Công ước lao động hàng hải Quốc tế (MLC 2006) đã góp phần đáng kể tạo môi trường và điều kiện làm việc của thuyền viên ngày càng được cải thiện rõ rệt.

Công ty luôn chú trọng đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động cùng với xây dựng chính sách tiền lương minh bạch, công bằng và phù hợp với thị trường lao động. Bên cạnh đó, Công ty cũng tạo cho lao động nhiều cơ hội thăng tiến, sử dụng các chế độ đãi ngộ để duy trì sự gắn bó trung thành của người lao động và thu hút đội ngũ kế thừa trong tương lai.

5.5. Rủi ro khác

Các công ty vận tải biển thường có doanh thu và các khoản nợ vay lớn, do đó lãi suất hay tỷ giá ngoại tệ thay đổi sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Kết thúc năm 2024, tỷ giá giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) ở mức 25.450 đồng/USD, tăng gần 5% so với tỷ giá 24.250 đồng/USD vào đầu năm 2024.

Công ty luôn chủ động nắm bắt tình hình thị trường, lập kế hoạch tài chính và thường xuyên kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện hợp đồng, linh hoạt trong các hình thức thanh toán ... nhằm giảm thiểu tác động của rủi ro do biến động tỷ giá.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Thị trường vận tải tàu hàng khô rời năm 2024 trải qua nhiều biến động và chưa có sự cải thiện rõ rệt do nền kinh tế thế giới tăng trưởng kém cùng với những bất ổn về địa chính trị ở nhiều quốc gia tiếp tục có xu hướng gia tăng. Chiến tranh kéo dài đã làm gián đoạn nguồn cung lương thực và năng lượng toàn cầu. Điều này đã dẫn đến sự gia tăng chi phí năng lượng và lạm phát tại Châu Âu và các khu vực khác. Ngoài ra, xung đột giữa Israel – Hamas bắt đầu từ cuối năm 2023 có nguy cơ lan rộng thành chiến tranh khu vực đã đe dọa các tuyến thương mại quan trọng như Biển Đỏ. Điều này làm tăng chi phí bảo hiểm hàng hải, nguồn cung năng lượng và ảnh hưởng đến vận tải, cụ thể:

Thị trường cước tàu hàng khô rời Quý I/2024 giảm so với Quý IV/2023 do ảnh hưởng bởi kỳ nghỉ Tết ở các quốc gia Châu Á.

Trong Quý II/ 2024 thị trường tiếp tục duy trì ổn định nhưng chưa cải thiện mạnh mẽ so với Quý I/2024.

Thị trường sang Quý III/2024 diễn biến chậm chạp không như kỳ vọng do nền kinh tế tăng trưởng kém vì chịu ảnh hưởng từ các cuộc chiến tranh và xung đột giữa Nga – Ukraine.

Trong Quý IV năm 2024, thị trường vận tải tàu hàng khô rời diễn biến kém ở toàn phân khúc tàu.

Chỉ số BDI bình quân năm 2024 là 1.761 điểm và BHSI là 705 điểm. Mặc dù có tăng so với bình quân năm 2023 nhưng vẫn chưa tạo được bước đột phá.

1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

Trong bối cảnh hoạt động SXKD liên tục biến động, nhưng nhờ vào sự chỉ đạo sát sao và hoạch định chiến lược đúng đắn của Ban lãnh đạo Công ty, cùng với sự đoàn kết, cố gắng, quyết tâm của tập thể CBNV – SQTV, Công ty đã thực hiện thành công tái cơ cấu tài chính với các tổ chức tín dụng, mang lại khoản thu hơn 190 tỷ đồng và bán thành công tàu Viễn Đông 3 thu lãi gần 39 tỷ đồng, dẫn đến kết quả kinh doanh năm 2024 toàn công ty lãi gần 221 tỷ đồng, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2023	KH 2024	TH 2024	TH 2024/ TH 2023	TH 2024 / KH 2024
1. Sản lượng vận chuyển	Triệu Tấn	1,24	1,14	1,17	94%	103%
2. Tổng doanh thu (*)	Tỷ VND	1.100,93	637,87	736,55	67%	115%
- Vận tải	Tỷ VND	220,40	221,61	247,34	112%	112%
- Kinh doanh khác	Tỷ VND	217,27	214,21	248,68	114%	108%
- HĐTC & HĐ khác	Tỷ VND	663,26	186,81	240,53	36%	129%
3. Lãi (+)/Lỗ (-)	Tỷ VND	560,42	162,33	220,84	39%	136%

Một số chỉ tiêu chủ yếu thực hiện như sau:

- **Sản lượng:** Năm 2024 thực hiện 1,17 triệu tấn, vượt 3% kế hoạch và giảm 6% so với năm 2023 do giảm tàu.

- **Tổng Doanh thu:** Cả năm thực hiện 736,55 tỷ đồng, vượt 15% kế hoạch và giảm 33% so với năm trước, cụ thể:

+ Doanh thu vận tải thực hiện 247,34 tỷ đồng, vượt 12% so với kế hoạch và tăng 12% so với năm trước do cước vận tải tăng.

+ Doanh thu các dịch vụ kinh doanh khác (đã trừ doanh thu nội bộ) thực hiện 248,68 tỷ đồng, tăng 8% so với kế hoạch và tăng 14% so với năm trước do lượng thuyền viên xuất khẩu tăng.

+ Doanh thu hoạt động tài chính và hoạt động khác (bao gồm khoản thu từ tái cơ cấu tài chính và lãi bán tàu Viễn Đông 3) thực hiện 240,53 tỷ đồng, vượt 29% so với kế hoạch và giảm 64% so với năm trước, giảm chủ yếu từ khoản thu tái cơ cấu tài chính (Năm 2023 thu từ tái cơ cấu tài chính gần 571 tỷ đồng, năm 2024 thu từ tái cơ cấu tài chính hơn 190 tỷ đồng).

- **Lãi (lỗ):** Cả năm toàn Công ty lãi 220,84 tỷ đồng, vượt 36% so với kế hoạch và đạt 39% so với cùng kỳ.

2. Tổ chức và nhân sự:

a. Danh sách Ban điều hành (tính đến thời điểm 31/12/2024):

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần năm giữ (cp)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Trịnh Hữu Lương	Tổng Giám đốc	Đại diện: 9.379.907	14%
2	Mai Thị Thu Vân	Phó Tổng Giám đốc	8.002	0,01%
3	Vương Nguyễn Triều Quang	Phó Tổng Giám đốc	0	0%
4	Lê Kim Phượng	Kế toán trưởng	6.108	0,009%

b. Tóm tắt lý lịch Ban điều hành:

➤ Ông Trịnh Hữu Lương

- Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty
- Năm sinh: 1977
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư - Thạc sỹ Kế toán, Cử nhân Anh Văn

Quá trình công tác

Năm	Quá trình công tác
2000 – 8/2006	Chuyên viên phòng TCKT Công ty Vận tải Biển Bắc
9/2006 – 7/2007	Phó phòng TCKT Công ty Vận tải Biển Bắc
8/2007 – 11/2011	Ủy viên HĐQT thường trực kiêm Phụ trách tài chính Công ty Vận tải Biển Bắc
12/2011 – 8/2012	Trưởng Phòng thư ký tổng hợp-Thư ký Tổng giám đốc Tổng Công Hàng hải Việt Nam (HHVN)
8/2012 – 2/2013	Phó trưởng ban tài chính kiêm trợ lý Tổng giám đốc Tổng Công HHVN
2/2013 – 1/2014	Phó trưởng ban kiểm toán nội bộ Tổng Công HHVN
02/2014 – 6/2014	Trưởng Ban kiểm toán nội bộ Tổng Công HHVN
7/2014 – 1/2015	Trưởng ban kiểm toán nội bộ Tổng Công HHVN kiêm trưởng Ban kiểm soát Cảng Hải Phòng
2/2015 – 5/2015	Trưởng ban kiểm toán nội bộ Tổng Công HHVN kiêm trưởng Ban kiểm soát Cảng Hải Phòng; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải Biển Bắc
5/2015 – 4/2016	Trưởng ban kiểm toán nội bộ Tổng Công HHVN kiêm trưởng Ban kiểm soát Cảng Hải Phòng; Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải Biển Bắc
5/2016 – 5/2020	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông (được đổi tên từ Công ty CP Vận tải Biển Bắc)
6/2020 – 8/2020	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông; Thành viên HĐQT Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam
9/2020 – 4/2021	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông; Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam
5/2021 – 4/2022	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông; Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam
5/2022 – 4/2023	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam
5/2023 – nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam

➤ Bà Mai Thị Thu Vân

- Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty
- Năm sinh: 1974
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế, Cử nhân Anh Văn, Cử nhân Luật

Quá trình công tác

Năm	Quá trình công tác
1998 - 1/2008	- Kế toán viên Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam/ Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (từ 31/12/2007)
1/2008 - 4/2012	- Phó Trưởng Phòng TCKT Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
4/2012 - 6/2018	Kế toán trưởng Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam.
7/2018 – 7/2019	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
7/2019 đến nay	Thành viên HĐQT, Phó TGD Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam.

➤ Ông Vương Nguyễn Triều Quang

- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty
- Năm sinh: 1982
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ vô tàu biển và kỹ thuật Hàng hải

Quá trình công tác

Năm	Quá trình công tác
8/2008 - 10/2016	Chuyên viên chính Phòng kỹ thuật Công ty CP Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam
11/2016 - 7/2020	Phó trưởng Phòng Vật tư Công ty CP Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam
8/2020 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam

➤ Bà Lê Kim Phượng

- Chức vụ: Kế toán trưởng
- Năm sinh: 1976
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành kinh doanh tiền tệ - tín dụng, ngành quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

Năm	Quá trình công tác
5/2000 - 8/2004	Kế toán viên Trung Tâm Đào tạo, Môi giới và Xuất khẩu Thuyền viên Phía Nam thuộc Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
8/2004 - 9/2014	Kế toán viên Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam, Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
9/2014 - 7/2019	Phó trưởng Phòng Tài chính kế toán Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
7/2019 – nay	Kế toán trưởng Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam

c. Những thay đổi trong Ban điều hành:

Trong năm 2024, không có thay đổi trong Ban điều hành.

d. Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến ngày 31/12/2024:

Toàn công ty:

Stt	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	721	100%
1	Trình độ đại học, trên đại học	239	33.14
2	Trình độ cao đẳng	179	24.62
4	Trình độ trung cấp	68	9.43
5	Công nhân kỹ thuật/sơ cấp	234	32.45
6	Lao động phổ thông	1	0.15
II	Theo loại hợp đồng lao động	721	100%
1	Hợp đồng không thời hạn	639	88.62
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	4	0.60
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	78	10.81
III	Theo giới tính	721	100%
1	Nam	690	96.00
2	Nữ	31	4.00

Thay đổi trong chính sách đối với người lao động

• Chính sách lương thưởng

Năm 2024, Công ty tiếp tục áp dụng Quy chế phân phối tiền lương 3Ps, theo đó chú trọng đánh giá hiệu quả công việc (KPI) vừa đảm bảo thực hiện đúng các quy định pháp luật về tiền lương vừa khuyến khích được người lao động cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Mặc dù gặp khó khăn do nhiều biến động, bất ổn của tình hình chính trị và kinh tế thế giới nhưng Ban Điều hành Công ty đã chỉ đạo phân phối tiền lương và thu nhập khá sát với tình hình thực tế hoạt động SXKD và thị trường lao động, có chính sách động viên CBNV-SQTV kịp thời, góp phần duy trì nguồn nhân lực cho Công ty.

Đồng thời, Công ty chi trả bổ sung trước Tết Nguyên đán cho CBNV với mức 1,5 tháng lương thực tế, tùy vào mức độ hoàn thành BSC-KPI của cá nhân. Theo đó, tính bình quân hàng tháng thì mức thu nhập của cá nhân năm 2024 cao hơn năm 2023, đây là sự nỗ lực rất lớn của Ban Điều hành Công ty trong bối cảnh tình hình SXKD còn nhiều khó khăn.

Phân chia tiền lương và thu nhập, tiền công lao động ngoài chức trách cho thuyền viên được thực hiện đúng theo quy định và Quy chế Tiền lương của Công ty. Thực hiện trả lương qua tài khoản cá nhân có tác dụng tốt đối với SQTV làm việc trên tàu.

Các khoản tiền công phát sinh trong năm 2024 được Công ty thanh toán ngay giúp anh em thuyền viên hết sức phấn khởi. Đáng chú ý là thời hạn chi trả tiền lương không những được bảo đảm theo quy định MLC 2006 và Thỏa ước lao động tập thể, mà còn được chú ý trả sớm hơn và kịp thời trước các dịp Lễ đối với thuyền viên làm việc trên đội tàu Công ty.

Thực hiện việc khen thưởng đúng quy chế của Công ty. Năm 2024, Công ty đã ban hành Quy chế Thi đua khen thưởng có nhiều nội dung sửa đổi phù hợp với thực tế hoạt động SXKD như đổi mới các hình thức thi đua, xét tặng danh hiệu, thực hiện chi thưởng đột xuất, thưởng nóng, biểu dương kịp thời các cá nhân, tập thể có đóng góp tích cực mang lại hiệu quả cho hoạt động SXKD của Công ty. Tuy Quỹ khen thưởng còn hạn chế, nhưng Lãnh đạo Công ty đã cố gắng huy động các nguồn để thực hiện chi với số tiền trên 200 triệu đồng cho các tập thể, cá nhân, trong đó chủ yếu là các SQTV tàu Công ty có thành tích đảm bảo ngày tàu, giao hàng đủ, khắc phục sửa chữa tàu ..., việc này đã thật sự khuyến khích người lao động hưởng ứng phong trào thi đua, tìm tòi giải pháp, phát huy sáng tạo để đóng góp công sức vào lao động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Stt	Năm	Thu nhập bình quân khối sản xuất chính (bao gồm thu nhập của SQTV) (Triệu đồng/người/tháng)
1	2020	24,10
2	2021	25,75
3	2022	31,25
4	2023	32,13
5	2024	30,12

Thu nhập BQ năm 2024 là 30,12 triệu đồng/người/tháng, giảm 6% so với năm 2023 chủ yếu do giảm thu nhập SQTV, cụ thể:

- Năm 2024, Công ty điều chỉnh tăng thu nhập cho khối lao động gián tiếp và người quản lý Công ty từ tháng 4.2024, mức tăng từ 5% - 20% tùy từng vị trí, tiệm cận với giá cả sức lao động trên thị trường, phần tăng thêm được kết cấu vào thu nhập P2 gắn với hiệu quả công việc và chi trả hàng quý, đồng thời chi hỗ trợ tiền dịp lễ 30/4 và 1/5, ngày thành lập Công ty, lễ 2/9, Tết dương lịch và chi lương bổ sung tháng 13 nhân dịp Tết Nguyên đán. Thu nhập bình quân CBNV năm 2024 ước đạt 21,62 triệu đồng/người/tháng, tăng gần 12% so với năm 2023.

- Công ty thực hiện tốt các chính sách đối với thuyền viên làm việc trên đội tàu Vitranschart, đảm bảo chế độ theo cam kết tại Hợp đồng lao động thuyền viên và Thỏa ước LĐTT đã ký kết. Thu nhập bình quân SQTV năm 2024 mặc dù có điều chỉnh (giảm) tùy từng chức danh theo mặt bằng thị trường chung ước đạt 34,63 triệu đồng/người/tháng, giảm 8,65% so với năm 2023 nhưng tăng 4% hơn so kế hoạch tiền lương xây dựng đầu năm.

• **Chính sách phúc lợi**

Hoạt động phục vụ cho phúc lợi của Công ty năm 2024 đúng theo quy chế, chủ yếu chăm lo cho đời sống CBNV & SQTV, các hoạt động hàng năm do Công đoàn Công ty đứng ra tổ chức, đạt kết quả tích cực. Năm 2024 từ 04-06/07/2024, tổ chức Hội nghị tuyên truyền về “Văn hóa doanh nghiệp” và kết hợp tổ chức tham quan nghỉ mát cho hơn 100 CBNV, SQTV tại tỉnh Ninh Bình với tổng kinh phí **hơn 1 tỷ đồng**, trong đó giá thành Công ty là **450 triệu**, chương trình đã góp phần tạo gắn kết cho người lao động chung cùng mái nhà Vitranschart. Ngoài ra, Công ty còn hỗ trợ chi thêm tiền cho người lao động vào các dịp Lễ, Tết và tiếp tục duy trì các hoạt động thăm hỏi, tặng quà cho các đối tượng chính sách Công ty vào dịp Tết Nguyên đán.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Sau thời gian nỗ lực làm việc với các Sở Ban Ngành, cuối tháng 12/2024 Công ty đã ký hợp đồng thuê đất Khu I - 428 Nguyễn Tất Thành với Sở Tài nguyên Môi trường và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thời hạn sử dụng là 50 năm.

b) Các công ty con: Trong năm 2024, 02 công ty con gồm SCCM và Hải Đăng SMC hoạt động ổn định và hiệu quả, cụ thể:

DVT: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Vốn góp của Vitranschart /Vốn Điều lệ (%)	Doanh thu bán hàng	Lợi nhuận trước thuế
1	Công ty TNHH Cung ứng Thuyền viên SCC (SCCM)	100 %	253.869,81	14.357,35
2	Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng (HaiDang SMC)	100%	90.267,23	285,42

4. Tình hình tài chính

a) **Tình hình tài chính** (Theo Báo cáo tài chính Hợp nhất 2024 đã kiểm toán)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2023	TH 2024	% tăng/giảm
Tổng tài sản	458.820	377.976	
Trong đó:			
- Tài sản ngắn hạn	225.560	208.182	-7,70%
- Tài sản dài hạn	233.260	169.793	-27,21%
Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	437.667	496.024	13,33%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	-8.120	69.359	-954,17%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-87.842	-635	-99,28%
Lợi nhuận khác	648.260	221.476	-65,84%
Lợi nhuận trước thuế	560.419	220.840	-60,59%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	557.820	217.871	-60,94%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

Tài sản ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2024 giảm hơn 17 tỷ đồng, tỷ trọng của tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản tăng 6,3% so với thời điểm 31/12/2023, Công ty đã cải thiện rất nhiều về khả năng thanh toán các khoản nợ so với năm trước.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,19	0,22	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,16	0,19	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	2,97	2,77	
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	2,17	1,52	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	12,21	14,36	
+ Vòng quay tổng tài Sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,85	1,19	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	127%	44%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	89%	32%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	122%	58%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-20%	-0,13%	

Cơ cấu cổ đông:

a. Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành:	68.999.337 cổ phần
Loại cổ phần:	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Cổ phần tự do chuyển nhượng:	68.999.337 cổ phần
Cổ phiếu quỹ:	Không có

b. Cơ cấu cổ đông

Stt	Cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ đông
I	Cổ đông lớn và cổ đông khác			
1	Cổ đông lớn	37.524.100	54,38%	2
	- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam-CTCP	29.888.000	43,316%	1
	- Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam	7.636.100	11,067%	1
2	Cổ đông khác	31.475.237	45,62%	2.941
II	Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân			
1	Cổ đông tổ chức	41.380.704	59,97%	24
2	Cổ đông cá nhân	27.618.633	40,03%	2.919

(Theo danh sách cổ đông do VSDC chốt ngày 25/02/2025)

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Tháng 11/2024: Công ty tăng vốn điều lệ từ 669.993.370.000 đồng lên 689.993.370.000 đồng để tái cơ cấu tài chính.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e. Các chứng khoán khác: Không.

5. Báo cáo đánh giá tác động đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Tác động lên môi trường:

- Công ty ban hành chính sách thể hiện chú trọng công tác bảo vệ môi trường, xử lý chất thải của đội tàu cũng như không ngừng tìm tòi những sáng kiến, phương pháp nhằm sử dụng hiệu quả tối đa nhiên liệu, giảm khí thải nhà kính, bảo đảm môi trường biển xanh sạch theo quy định của IMO. Toàn thể cán bộ nhân viên Công ty luôn ý thức trong việc thực hành tiết kiệm năng lượng nhằm bảo vệ môi trường, vì mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

- Tuyên truyền và phát động các kế hoạch về bảo vệ môi trường xanh, sử dụng nhiên liệu sạch, thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn theo quy định, phát động các phong trào làm sạch đẹp văn phòng và đường phố nơi Văn phòng tọa lạc, hưởng ứng các phong trào bảo vệ môi trường bằng nhiều hoạt động cụ thể, thiết thực và đạt được kết quả tốt.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Công ty luôn kiểm soát, quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả nhiên liệu, vật liệu, vật tư và phụ tùng trong chuỗi quy trình cung cấp dịch vụ.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

- Công ty đã xây dựng và triển khai “Chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và tiết giảm chi phí quản lý, giảm giá thành sản phẩm năm 2024” trong đó luôn chú trọng các chỉ tiêu sử dụng tiết kiệm năng lượng trong toàn Công ty; tái sử dụng giấy một mặt;

- Công ty luôn chú trọng trong việc xây dựng định mức sử dụng các nguồn năng lượng, tuân thủ nghiêm túc các công ước quốc tế để giảm thiểu nguồn gây ô nhiễm môi trường như sử dụng nhiên liệu không vượt quá 0,5% S bắt đầu từ ngày 1/1/2021, áp dụng và báo cáo tình hình sử dụng năng lượng định kỳ.

- Kiểm soát chặt chẽ tiêu thụ nhiên liệu, dầu nhớt, vật tư, nước ngọt tránh thất thoát, lãng phí. Tăng cường giám sát lượng nhiên liệu tồn trên tàu. Kiểm soát tốt tình trạng kỹ thuật đội tàu, tăng cường cung cấp phụ tùng chính hãng thay thế cho các thiết bị quan trọng để duy trì tốt tình trạng kỹ thuật cũng như đáp ứng yêu cầu về khí thải, bảo vệ môi trường và giảm tiêu hao nhiên liệu.

- Các loại năng lượng tiêu thụ trực tiếp năm 2024, gồm điện tiêu thụ 123.112 KW với chi phí là 425.010.082 đồng, chủ yếu phục vụ khối văn phòng; xăng cho xe ô tô tiêu thụ 2.138 lít với chi phí 47.057.331 đồng.

Có thể nói, Công ty đã quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về công tác bảo vệ môi trường theo đúng khẩu hiệu “Hãy hành động vì môi trường xanh, bền vững”.

6.4. Tiêu thụ nước

Công ty luôn khuyến khích cán bộ, công nhân viên sử dụng tiết kiệm nước. Vấn đề ô nhiễm nguồn nước luôn được Công ty chú trọng với việc tuân thủ các quy định về khu vực xả thải, tiếp tục tuân thủ trang bị hệ thống quản lý nước dẫn cho các tàu theo lộ trình. Thực hiện quy định phân loại rác trên tàu, xả rác đúng quy định, rác không phân hủy được tập trung và chuyển lên bờ, nhằm giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực đến môi trường nhất là môi trường biển.

Nguồn cung cấp nước chủ yếu nguồn thủy cục, năm 2024 lượng nước tiêu thụ phục vụ khối văn phòng Công ty là 1.081m³ với chi phí 30.340.047 đồng.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty luôn tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. Trong năm không để xảy ra trường hợp vi phạm nào.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Tổng số lao động làm việc tại Công ty tính đến ngày 31/12/2024 là 721 người (nữ 31 người), trong đó Văn phòng Vitranschart là 54 người, SCCM là 667 người, bao gồm lực lượng lao động trực tiếp (khỏi sỹ quan thuyền viên) là 643. Trong năm 2024, tiền lương bình quân của người lao động đạt 30,12 triệu đồng/người/tháng (riêng khối thuyền viên làm việc trực tiếp trên tàu, tiền lương bình quân là 34,63 triệu đồng/người/tháng). Hàng tháng, Công ty đều thanh toán lương cho người lao động đầy đủ và đúng theo quy định.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Nguồn lực con người với Công ty là tài sản giá trị lớn nhất và là yếu tố quyết định sự thành công trong các chiến lược của Công ty. Với mỗi người lao động vào làm việc, Công ty đều đảm bảo có một công việc phù hợp, có thu nhập và phúc lợi xứng đáng. Công ty thực hiện ký kết hợp đồng lao động và chi trả lương cho người lao động đúng theo quy định của pháp luật và theo đúng quy chế nội bộ về nhân sự của Công ty, người lao động làm thêm giờ sẽ có chính sách phù hợp. Góp phần vào việc phát triển Công ty một cách bền vững.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBNV; Tạo sân chơi thể dục, thể thao, văn nghệ cho người lao động rèn luyện cải thiện thể lực, sức khỏe, tinh thần.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Công ty tổ chức thực hiện công tác đào tạo theo Quy chế, trong đó tập trung đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Năm 2024:

- Xây dựng triển khai kế hoạch đào tạo năm 2024

- Tổ chức cho CBNV tham dự hơn 10 khóa đào tạo, hơn 20 khóa HLNB và hơn 40 khóa HL cho SQTV, cử 07 cán bộ đào tạo bên ngoài.

Công ty triển khai tổ chức khá nhiều buổi huấn luyện nội bộ về các nội dung Văn hóa doanh nghiệp, chuyên môn nghiệp vụ hàng hải, bảo hiểm tàu, kế toán, pháp luật lao động, **đặc biệt chú trọng các khóa huấn luyện đào tạo kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ luật bản thân, kỹ năng quản lý cảm xúc ...**rất hay và bổ ích cho người lao động. Ngoài ra, nhiều CBNV, SQTV tự học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ của bản thân thông qua các khóa học ngoài giờ, học online theo chương trình của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam..

Môi trường làm việc

Công ty có chủ trương xuyên suốt và chú trọng chăm lo đến điều kiện làm việc, môi trường làm việc cho CBNV, SQTV, nên đã đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần tăng năng suất, hiệu quả lao động đi đôi với đảm bảo sức khỏe, hạn chế đến mức thấp nhất tai nạn lao động (TNLĐ), bệnh nghề nghiệp tại Công ty, góp phần tạo nên sự yên tâm, gắn bó với Công ty của người lao động. Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng truyền thống, tạo nên nét văn hóa doanh nghiệp, đẩy mạnh tuyên truyền, học tập Bộ quy tắc ứng xử Công ty, tạo lập môi trường làm việc thân thiện, chan hòa, sẻ chia, giúp nhau cùng tiến bộ.

Khối văn phòng Công ty, Chi nhánh Công ty đảm bảo đầy đủ dụng cụ làm việc cần thiết, phù hợp cho từng chức danh; phòng làm việc đầy đủ ánh sáng, trang bị máy lạnh, thông thoáng; khuôn viên cây xanh, sạch đẹp, an toàn. Năm 2024 tiếp tục thực hiện may đồng phục cho toàn thể CBNV khối văn phòng Công ty. Tổ chức nấu ăn trưa tại bếp ăn Công ty đảm bảo đầy đủ dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động đầy đủ (tháng 10.2024); Công ty có mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu, bảo hiểm thuyền viên cho SQTV làm việc trên tàu Vitranschart; duy trì việc mua bảo hiểm kết hợp, trách nhiệm cao cho CBNV làm việc trên bờ.

Tại các tàu biển Công ty, đi đôi với việc tuân thủ nghiêm túc Công ước lao động hàng hải Quốc tế (MLC 2006) từ chính sách đến thực hiện đã góp phần đáng kể tạo môi trường và điều kiện làm việc của thuyền viên ngày càng cải thiện được rõ rệt. Đảm bảo cung cấp đầy đủ thuốc theo tiêu chuẩn của IMO, luôn bổ sung thay thế những thuốc đã hết hạn sử dụng. Đảm bảo vệ sinh môi trường sống

và làm việc, cung cấp đầy đủ thuốc và phương tiện diệt môi, gián, chuột, chống muỗi. Đội tàu Công ty được trang bị đầy đủ thuốc, vật tư y tế theo hướng dẫn của Bộ y tế.

Bảo đảm thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi theo qui định của Bộ Luật lao động, Bộ Giao thông vận tải và Nội quy lao động của Công ty và có lợi hơn cho người lao động.

Công tác an toàn, bảo hộ lao động

Công ty có Quy định công tác An toàn toàn lao động, Bảo hộ lao động, quy định trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong hoạt động của mình phải bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ tại đơn vị, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty có lập kế hoạch công tác bảo hộ lao động, bao gồm các chi phí cho công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.

Công tác an toàn phòng chống cháy nổ luôn được quan tâm. Tại Văn phòng Công ty có Đội PCCC cơ sở, hệ thống phương tiện chữa cháy được trang bị đầy đủ, thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng. Định kỳ hàng quý và các dịp Lễ Tết nghỉ dài ngày, cán bộ PCCC xuống kiểm tra rà soát toàn bộ công tác an toàn PCCC Công ty. Công ty đã phối hợp cùng Phòng Cảnh sát PCCC Quận 4 tổ chức huấn luyện, diễn tập phương án chữa cháy và thực tập cứu hộ, cứu nạn cho CBNV. Tổ chức lớp đào tạo vệ sinh viên tháng 5.2024.

Trên đội tàu Công ty, công tác an toàn bảo hộ lao động cũng được chú trọng. Thuyền viên xuống tàu được cấp phát trang bị đầy đủ bảo hộ lao động. Trong điều kiện khó khăn tải chính nhưng Công ty đảm bảo cung cấp BHLĐ cho người lao động đúng, đủ, kịp thời và tiết kiệm, phù hợp theo tiêu chuẩn trang bị BHLĐ được ban hành tại Quyết định số 435/QĐ-TCLĐ ngày 03/11/2015. Trong năm đã cấp tổng cộng cho 108 lượt thuyền viên xuống tàu làm việc.

Hệ thống phương tiện, biển báo cứu hỏa bố trí đầy đủ, đúng quy định. Khi tàu về các cảng tại Tp. Hồ Chí Minh đều có cán bộ phụ trách xuống kiểm tra công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, nhắc nhở việc tuân thủ quy định bảo hộ lao động. Năm 2024 đã kiểm tra 04 tàu, đánh giá chung các tàu đều nghiêm túc thực hiện tốt công tác này.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Duy trì các hoạt động "*Đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn*" của Công ty nhằm nâng cao tinh thần tương thân tương ái của CBNV, SQTV với xã hội và cộng đồng cũng như phát huy truyền thống tốt đẹp của Công ty. Nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024 tặng quà cho UBND Phường 18, Quận 4, TP.HCM chăm lo cho các hộ nghèo. Cùng Công đoàn Công ty hỗ trợ xây dựng nhà tình thương cho bà Võ Thị Liễu là hộ cận nghèo tại huyện Chợ Lách, Bến Tre với kinh phí **40 triệu** đồng trích từ quỹ vì người nghèo. Mặc dù tình hình tài chính Công ty còn nhiều khó khăn, Công ty vẫn duy trì việc phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh hùng Nguyễn Thị Diệp, hằng năm nhân dịp Tết Nguyên đán và Ngày thương binh liệt sỹ đều tổ chức tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho Mẹ, viếng nghĩa trang liệt sỹ tại huyện Chợ Lách, Bến Tre.

Ngoài ra Công đoàn còn vận động NLD tích cực tham gia đóng góp ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do bão lũ **500 triệu đồng**, đóng góp Quỹ xã hội của Công đoàn Tổng Công ty HHVN **50 triệu đồng**, đóng góp lát nền nghĩa trang liệt sỹ xã Yên Hồng 210 triệu, vận động NLD tham gia hiến máu nhân đạo, ...

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2024, Công ty khai thác tối đa các nguồn lực tự có với đội tàu hàng khô gồm 05 chiếc, tổng trọng tải hơn 99.000 DWT, tuổi tàu bình quân 20,8 tuổi, trong đó có tàu Viễn Đông 3 đã 20 tuổi (bán và bàn giao tàu thành công vào cuối tháng 11/2024 do trọng tải tàu nhỏ, cũ, già, chi phí sửa chữa cao). Công ty nỗ lực tăng hiệu quả kinh doanh ở lĩnh vực kinh doanh chính bằng cách tận dụng mọi cơ hội để tăng doanh thu và đồng thời cắt giảm tối đa mọi chi phí, đồng thời phát triển kinh doanh dịch vụ Quản lý và Cung ứng lao động hàng hải nhằm góp phần tăng cường hiệu quả hoạt động cho Công ty.

Với sự nỗ lực, quyết tâm, tận dụng các cơ hội của thị trường và đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp, Công ty đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu tổng doanh thu và lợi nhuận đề ra.

Những tiến bộ Công ty đã đạt được.

- Thực hiện tốt công tác tái cơ cấu tài chính với các tổ chức tín dụng và đã được xóa nợ hơn 190 tỷ đồng.

- Nỗ lực áp dụng các biện pháp để đội tàu hoạt động liên tục, tiết giảm tối đa ngày tàu chờ đợi, chủ động làm việc với người thuê tàu để thu xếp lịch sửa chữa, thay thuyền viên, ... phù hợp và tiết kiệm nhất; Kết hợp thời gian làm hàng bố trí cung cấp phụ tùng vật tư và thực hiện sửa chữa cho tàu.

- Theo dõi và quản lý chặt chẽ tình hình sử dụng dầu nhớt, nhiên liệu, vật tư phụ tùng... rà soát kỹ trước khi cấp.

- Thực hiện bảo quản bảo dưỡng thường xuyên nhằm bảo đảm tình trạng kỹ thuật của đội tàu.

- Giám sát, quản lý thực hiện tốt đúng quy trình của Hệ thống quản lý an toàn và Lao động hàng hải, không tàu nào bị bắt lỗi nghiêm trọng liên quan đến MLC 2006. Kiểm soát tốt chi phí PSC và khối lượng hàng hóa xếp dỡ tại các cảng.

- Ứng dụng CNTT vào công tác quản trị: triển khai hệ thống phần mềm quản lý tàu, gồm các chức năng chính như quản lý bảo quản, bảo dưỡng; quản lý tuân thủ các bộ luật; quản lý vật tư phụ tùng; quản lý thuyền viên trên tàu; công tác quản trị trên tàu.

- Triển khai thành công, vận hành và quản lý tốt hệ thống đánh giá hiệu quả công việc KPI theo phương pháp thẻ điểm cân bằng (BSC) trong công ty.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền giữa Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc; giữa Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc, các phòng/Ban/ đơn vị trực thuộc, thống nhất trong các hoạt động của doanh nghiệp.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản (Theo Báo cáo tài chính Hợp nhất 2024 đã kiểm toán)

Tính đến ngày 31/12/2024, tổng tài sản của Công ty là 378 tỷ đồng, giảm 81 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2023. Trong đó:

- Tài sản ngắn hạn là 208 tỷ đồng, chiếm 55% tổng tài sản; giảm 17 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2023.

- Tài sản dài hạn là 170 tỷ đồng, chiếm 45% tổng tài sản, giảm 63 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2023.

b) Tình hình nợ phải trả theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024, đến ngày 31/12/2024, tổng nguồn vốn của Công ty là 378 tỷ đồng, gồm các khoản mục sau:

- Tổng nợ phải trả là 1.047 tỷ đồng, chiếm 277% tổng nguồn vốn, giảm 317 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2023.

- Nợ ngắn hạn là 943 tỷ đồng, giảm 254 tỷ đồng so với thời điểm ngày 31/12/2023.

- Nợ dài hạn là 104 tỷ đồng, giảm 64 tỷ đồng so với thời điểm ngày 31/12/2023.

- Tổng nợ phải thu ngắn hạn là 135 tỷ đồng.

Các khoản nợ của Công ty chủ yếu là tập trung đầu tư vào việc hình thành phương tiện sản xuất kinh doanh là tàu biển. Công ty đã tăng cường công tác quản lý công nợ. Số nợ quá hạn đã giảm so với cùng kỳ năm trước. Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi, Công ty hạch toán theo dõi riêng từng khoản để có các hình thức xử lý hoặc trích lập dự phòng phù hợp.

* Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

Nợ phải trả quá hạn: Nợ phải trả quá hạn sẽ ảnh hưởng đến khả năng quay vòng vốn và uy tín của doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty luôn quản lý, phân loại các khoản nợ để giảm số nợ quá hạn.

Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá: là đơn vị có doanh thu gốc và công nợ gốc bằng ngoại tệ, nếu tỷ giá tăng sẽ làm phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá lớn cho Công ty.

Ảnh hưởng của lãi vay: Năm 2024, lũy kế số dư lãi vay của Công ty là 584 tỷ đồng, giảm gần 165 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Công ty luôn bám sát và thực hiện theo Đề án tái cấu trúc giai đoạn 2020 – 2025, công tác tái cơ cấu tổ chức và nhân sự bước đầu đã đạt kết quả nhất định.

- Đối với tái cơ cấu tổ chức, đã tiếp tục rà soát, thực hiện việc sắp xếp lại bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả hơn

- Đối với khối thuyền viên, Công ty đã đẩy mạnh việc rà soát, phân loại lực lượng lao động trực tiếp (thuyền viên), để thực hiện giải quyết chế độ chính sách đối với thuyền viên không đảm bảo sức khỏe, ý thức tổ chức kỷ luật kém, cũng như các trường hợp nghỉ hưu theo chế độ, nghỉ việc theo nguyện vọng cá nhân. Đồng thời tuyển dụng lao động để bổ sung cho số thuyền viên nghỉ hưu, nghỉ việc; tình hình lực lượng lao động là đội ngũ thuyền viên ổn định, không có biến động lớn. Bên cạnh đó, Công ty cũng tăng cường công tác huấn luyện, đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ SQTV, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Đối với khối văn phòng Công ty, số lượng CBNV giảm do nghỉ việc cân bằng số tuyển dụng bù vào, đầu năm 2024 là 55 người, đến nay (giảm 6 và tuyển 5) còn 54 người.

- Đối với đội tàu Công ty 5 chiếc, số lượng định biên SQTV đầu năm 2024 là 106 người, tháng 4.2024 giảm định biên theo lộ trình tàu về Việt Nam xuống 102 đến nay còn 4 tàu (sau khi bán thành công và bàn giao tàu Viễn Đông 3 vào cuối tháng 11.2024) với định biên còn 80 người.

- Tiếp tục bố trí một số vị trí kiêm nhiệm cho Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng.

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

4.1 Tình hình kinh tế và giao thương thế giới:

Theo Báo cáo cập nhật tháng 01/2025 của Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF), GDP thế giới năm 2024 tăng trưởng 3,2 % và dự báo tăng trưởng ở mức 3,3% cho cả năm 2025 và 2026 (thấp hơn mức bình quân 3,7% của giai đoạn năm 2000-2019). Dự báo kinh tế của Mỹ có tín hiệu khả quan, tuy nhiên các quốc gia khác còn gặp nhiều khó khăn, chẳng hạn vấn đề năng lượng ở Châu Âu và tình hình khủng hoảng bất động sản ở Trung Quốc v.v. Sự gia tăng các chính sách bảo hộ trong nước có thể gây gia tăng căng thẳng giao thương quốc tế, ảnh hưởng nguồn đầu tư, làm giảm hiệu quả kinh tế thị trường, giảm dòng giao thương và làm gián đoạn chuỗi cung ứng.

Trung Quốc mặc dù sản lượng công nghiệp có tăng nhờ các biện pháp kích thích kinh tế của chính phủ, giúp hỗ trợ lĩnh vực sản xuất và xuất khẩu; tuy nhiên, nền kinh tế nước này vẫn còn đang đối mặt với khủng hoảng bất động sản, trình trạng giảm phát, và nhu cầu tiêu dùng nội địa yếu. Chỉ số giá tiêu dùng (Consumer Price Index-CPI) của Trung Quốc tháng 02/2025 là âm -0,7%, khá yếu. Hiện tình trạng căng thẳng thương mại Mỹ - Trung vẫn còn, các biện pháp thuế quan và chính sách hạn chế từ Mỹ gây áp lực lên xuất khẩu của Trung Quốc. (nguồn tổng hợp: IMF, Clarksons Research, Reuters, the Guardian, National Bureau of Statistics of China, Tạp chí Tài Chính)

Tăng trưởng đội tàu hàng khô rời:

Theo tổng hợp số liệu của Clarksons Research (14/02/2025), đội tàu hàng khô thế giới tăng trưởng năm 2024 là 3,0% và dự báo năm 2025 tăng trưởng khoảng 3,7%. Phân khúc tàu handysize (10.000-45.000 DWT) tăng trưởng năm 2024 khoảng 4,2%, và dự báo năm 2025 tăng trưởng khoảng 4,4%. Phân khúc tàu Handymax (45.-70.000 DWT)/Panamax (70.-100.000 DWT)/Capesize (100.000+ DWT) năm 2024 tăng trưởng lần lượt khoảng 4,1% / 3,2% / 1,7%; và dự báo năm 2025 tăng trưởng lần lượt khoảng 4,4%/ 4,3%/ 2,0%. Triển vọng tăng trưởng đội tàu trong thời gian tới vẫn còn tương đối cao.

Nhu cầu vận chuyển hàng khô rời đi bằng đường biển:

Theo số liệu của Clarksons Research (14/02/2025), lượng hàng khô rời đi bằng đường biển ước tính năm 2024 đạt khoảng 5742 triệu tấn, tăng trưởng khoảng 3,3% so với năm 2023, dự đoán năm 2025 triển vọng rất kém, tăng trưởng chỉ vào khoảng 0,6%. Theo dự báo của BIMCO (01/2025), nhu

cầu vận chuyển hàng khô rời về lượng năm 2025 tăng trưởng dưới 1%, và năm 2026 tăng trưởng trong khoảng 1,5%~2,5%.

Dự báo thị trường: Dự báo thị trường năm 2025 tương đối yếu do nguồn cung phát triển nhiều hơn so với nguồn cầu.

Dựa trên các yếu tố kinh tế chính trị, dự báo thị trường và năng lực của đội tàu, nguồn nhân lực của Công ty, Ban Lãnh đạo xây dựng kế hoạch SXKD năm 2025 với các chỉ tiêu chủ yếu được dự kiến như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025
1. Sản lượng vận chuyển	Triệu Tấn	1,26
2. Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	795,51
3. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	320,00

Ghi chú: Các chỉ tiêu KH 2025 hợp nhất toàn Công ty chưa bao gồm kết quả từ hoạt động bất thường phát sinh ngoài kế hoạch, có tính đến việc đầu tư thành công 01 tàu Handysize trọng tải 28.000 DWT - 32.000 DWT tại công ty con Hai Dang SMC và đưa tàu này vào khai thác kể từ Quý 4/2025.

4.2 Các nhóm giải pháp thực hiện:

Trong điều kiện thị trường vận tải biển vẫn nhiều diễn biến khó lường, kế hoạch đặt ra như trên là thách thức đối với Công ty. Do vậy, để có thể đạt được các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra rất cần sự chung tay góp sức trong việc thực hiện tốt nhiệm vụ của từng cá nhân, từng bộ phận cũng như sự tăng cường quản lý của cả bộ máy, cụ thể như sau:

4.2.1 Giải pháp về thị trường và sản xuất kinh doanh:

- Tập trung vào lĩnh vực cốt lõi, có thế mạnh như cho thuê thuyền viên, cho thuê tàu.
- Hiện đại hóa đội tàu, chú trọng tàu có kích thước lớn và tiết kiệm chi phí để nâng cao hiệu quả vận hành. Áp dụng công nghệ số để tối ưu hóa quy trình vận hành và quản lý, từ đó giảm chi phí và nâng cao hiệu quả.
- Tăng cường hợp tác trong và ngoài nước để mở rộng thị trường.
- Đầu tư xây dựng cao ốc văn phòng tại 428 Nguyễn Tất Thành, phát triển dịch vụ cho thuê văn phòng.

4.2.2 Giải pháp về chính sách khách hàng:

- *Giải pháp về chính sách giá:* Tiếp tục thực hiện chính sách hợp tác linh hoạt để có thể có được sự hỗ trợ của khách hàng nếu công ty gặp khó khăn trong thời điểm nhất định. Công ty ưu tiên phục vụ các khách hàng truyền thống có tài chính lành mạnh; hợp tác trên tinh thần win-win cả đôi bên cùng hợp tác cùng có lợi; có chế độ khuyến mãi, điều chỉnh giá cước hợp lý nhằm hỗ trợ lẫn nhau khi thị trường đảo chiều v.v.

- *Giải pháp về công tác chăm sóc và phát triển khách hàng:* Tiếp tục tăng cường liên hệ, hợp tác với các đối tác ở các phân khúc thị trường khác nhau để có thể chọn hình thức khai thác tàu linh hoạt theo tình trạng kỹ thuật, tài chính của công ty. Mặc dù hiện tại Công ty vẫn lên kế hoạch khai thác đội tàu theo hình thức cho thuê định hạn, nhưng vẫn không quên duy trì liên lạc với các mối quan hệ khách hàng cũ (khai thác chuyến trước đây) để khi điều kiện cho phép Công ty lại quay lại hình thức khai thác chuyên hoặc thực hiện thuê tàu ngoài khai thác. Công ty ý thức việc phát triển thị trường song song với xây dựng mối quan hệ khách hàng càng nhiều càng tốt sẽ tạo điều kiện thuận lợi không những cho việc khai thác đội tàu Công ty mà còn tạo thuận lợi cho các dịch vụ mới trong tương lai (như thuê tàu ngoài khai thác, các dịch vụ quản lý khai thác tàu v.v.). Bên cạnh việc duy trì mối quan hệ với khách hàng cũ và chăm sóc khách hàng hiện tại, chúng tôi cũng cố gắng xây dựng mối quan hệ khách hàng mới.

4.2.3 Giải pháp về quản trị và đổi mới doanh nghiệp:

- Tiếp tục áp dụng thể điểm cân bằng BSC KPI và số hóa toàn bộ quy trình quản lý, kinh doanh.

- Tăng cường năng lực lãnh đạo của các cấp quản lý thông qua các chương trình đào tạo, tuyển mới.

4.2.4 Giải pháp về tài chính và đầu tư:

- Quản lý dòng tiền: duy trì việc xây dựng và triển khai kế hoạch tài chính hàng tháng/năm; kiểm soát cân đối thu chi hàng tuần và đánh giá thực hiện hàng tháng; ưu tiên nguồn tiền phục vụ SXKD, tích lũy nguồn tiền để thực hiện và hoàn thành việc tái cơ cấu khoản nợ của VDB, tiến tới cải thiện và lành mạnh hóa tình hình tài chính công ty.

- Tiếp tục hợp tác với Công ty TNHH Mua Bán nợ Việt Nam (DATC) để triển khai kế hoạch mua và xử lý tài chính đối với khoản vay tại đóng tàu tại Ngân hàng phát triển Việt Nam.

- Xây dựng các phương án khả thi để đảm bảo thực hiện thành công kế hoạch đầu tư thêm tàu, dự án xây dựng tòa nhà văn phòng và chuyển đổi mô hình công ty con để huy động thêm nguồn đầu tư từ bên ngoài giúp Công ty phát triển.

4.2.5 Giải pháp về nguồn nhân lực:

- Cử cán bộ chủ chốt tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức quản lý, điều hành để nâng cao năng lực quản lý tại đơn vị.

- Cử cán bộ, nhân viên tham gia các khóa đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến chức năng nhiệm vụ theo nhu cầu của đơn vị nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Tiếp tục triển khai tốt quy chế đào tạo và phát triển, vận hành hệ thống quản lý chiến lược BSC-KPIs gắn với trả lương 3Ps nhằm theo dõi, nâng cao kết quả hoạt động của doanh nghiệp cũng như các bộ phận với những mục tiêu mang tính chiến lược, là đòn bẩy thúc đẩy nhân viên làm việc tốt hơn

- Đề ra các chương trình đào tạo, hình thức đào tạo chủ yếu bao gồm: hội nhập, trong công việc (On the job training), ngoài công việc (Off the job training). Đặc biệt chú trọng xây dựng đội ngũ huấn luyện viên nội bộ để thực hiện kế hoạch đào tạo sát thực tế, đặc thù công việc ngành, tăng cường các khóa đào tạo kỹ năng mềm, văn hóa doanh nghiệp nhằm phát triển năng lực cho CBNV-SQTV 1 cách toàn diện cả về kiến thức, kỹ năng, thái độ cũng như tiết kiệm chi phí cho Công ty.

4.2.6 Giải pháp về Công nghệ - Kỹ thuật:

- Thực hiện chuyển đổi số tại Công ty:

+ Tiếp tục triển khai và hoàn thiện các phần mềm: Văn phòng điện tử (e-office), Quản lý Vật tư Phụ tùng tàu (VMM -Vessel Material Management).

+ Số hóa văn bản, tài liệu, chứng từ phục vụ dữ liệu đầu vào các hệ thống e-office, VMM, BSC-KPI.

- Tăng cường an ninh mạng tàu và bờ:

+ Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống mạng, tường lửa, hệ phòng chống virus.

+ Duy trì, nâng cấp, triển khai an ninh mạng đội tàu Cty.

4.2.7 Giải pháp ứng phó rủi ro:

Tăng cường công tác quản lý an toàn, kỹ thuật, thuyền viên cho đội tàu nhằm giảm thiểu sự cố, lưu giữ khi PSC, ngày offhire ... Có biện pháp thực tế để kiểm soát chặt chẽ chi phí và định mức tiêu thụ nhiên liệu, dầu nhớt đảm bảo theo đúng chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đã xây dựng trong kế hoạch sản xuất kinh doanh của đội tàu.

Tăng chế độ đãi ngộ để giữ chân các thuyền viên có năng lực để đào tạo và bổ sung cho lượng thiếu hụt thuyền viên.

Lên phương án thay thế thuyền viên khi điều kiện cho phép, kết hợp với lịch khai thác của tàu để tiết kiệm chi phí, chẳng hạn như các cảng thuận tiện ở nước ngoài mà chi phí thay thuyền viên thấp hoặc tàu ghé cảng Việt Nam để xếp, dỡ hàng hóa.

Tăng cường công tác huấn luyện, đào tạo về chuyên môn cho SQTV. Thường xuyên nhắc nhở tàu chuẩn bị tốt về mọi mặt để phục vụ cho việc kiểm tra của PSC (nếu có), nhắc tàu tổ chức phục vụ và tiếp đón PSCO thân thiện, chuyên nghiệp và hợp tác, tránh việc tỏ thái độ căng thẳng, trong giao tiếp với PSCO.

Hướng dẫn công tác kiểm tra các thiết bị thiết yếu và khắc phục kịp thời nếu phát hiện không phù hợp theo định kỳ hoặc trước khi đến cảng.

Kiểm tra, giám sát, đánh giá nội bộ tàu khi có điều kiện. Thường xuyên nhắc nhở SQTV tuân thủ đầy đủ HTQLAT. Tăng cường công tác huấn luyện, đào tạo về chuyên môn cho SQTV.

Lưu hồ sơ, xem xét hình thức kỷ luật và có thể không sử dụng các thuyền viên này nữa; Có biện pháp răn đe hữu hiệu nếu thuyền viên vi phạm kỷ luật.

Thông báo, cảnh báo và nhắc nhở tàu tăng cường các biện pháp an ninh khi tàu đi ngang hoặc ghé vào các cảng hoặc vùng nước có rủi ro an ninh cao. Tuân thủ các khuyến cáo, hướng dẫn của các tổ chức, cơ quan hữu quan liên quan.

Tăng cường theo dõi chặt chẽ các bản tin thời tiết, đưa ra các khuyến cáo kịp thời để hỗ trợ cho tàu.

Tăng cường kiểm soát phòng ngừa các sự cố xảy ra trên đội tàu

Tổ chức phân công nhân sự hợp lý để hỗ trợ tàu thông suốt, kịp thời.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: *Xem Giải trình và Báo cáo tài chính kiểm toán đính kèm.*

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Đối với đội tàu, Công ty đã nỗ lực áp dụng các chính sách để đảm bảo giảm thiểu lượng phát thải khí ra môi trường, đã thực hiện cung cấp cho đội tàu các loại dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp theo tiêu chuẩn và quy định IMO. Đối với khối văn phòng, việc sử dụng điện, nước được cân đối phù hợp, tiết kiệm, hiệu quả. Công ty đã lắp đặt hệ thống xử lý nước thải và không vi phạm các quy định về xử lý nước thải.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chính sách, quy định liên quan về người lao động. Người lao động được hưởng đầy đủ quyền lợi hợp pháp, chính đáng theo quy định của pháp luật.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Hiểu rõ vai trò quan trọng cũng như lợi ích từ việc thực hiện trách nhiệm xã hội, trách nhiệm với cộng đồng, địa phương mang lại nên Công ty đã thực hiện nghiêm túc trách nhiệm xã hội của mình đối với cộng đồng và địa phương.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá chung về các mặt hoạt động của Công ty:

Trong bối cảnh kinh tế thế giới năm 2024 tăng trưởng kém cùng với bất ổn về địa chính trị ở nhiều quốc gia tiếp tục kéo dài nhưng nhìn chung thị trường vận tải hàng khô rời vẫn duy trì ổn định với các chỉ số tăng so với cùng kỳ năm ngoái. Công ty luôn bám sát diễn biến thị trường và tận dụng tốt cơ hội, cộng với việc thực hiện tốt công tác tái cơ cấu tài chính và bán thành công tàu Viễn Đông 3 vào cuối tháng 11/2024 nên kết quả kinh doanh toàn Công ty năm 2024 lãi gần 221 tỷ đồng, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động, cụ thể:

1.1. Hiệu quả sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2024	TH 2024	TH 2024/ KH 2024
1. Sản lượng vận chuyển	Triệu Tấn	1,137	1,170	103%
2. Tổng doanh thu (*)	Tỷ VND	637,869	736,548	115%
3. Lãi (+)/Lỗ (-)	Tỷ VND	162,331	220,840	134%

1.2. Tình hình đầu tư, thanh lý tài sản:

Công ty đã hoàn thành bán tàu Viễn Đông 3 với kết quả tốt hơn ước tính tại Dự án bán tàu được phê duyệt, đáp ứng được mục tiêu tái cơ cấu tài chính.

Công ty đang triển khai thủ tục xin giấy phép xây dựng cao ốc văn phòng tại khu đất 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4 theo đúng quy hoạch đã được Ủy ban Nhân dân Thành phố phê duyệt.

2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc

HDQT đã định hướng, chỉ đạo, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HDQT nhằm tạo thuận lợi cho công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc (BTGD). BTGD đã tuân thủ đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết và quyết định của HDQT trong hoạt động kinh doanh, trong công tác tái cơ cấu tài chính, góp phần từng bước cải thiện tình hình tài chính Công ty.

Ban Tổng Giám đốc đã rất nỗ lực trong quá trình chỉ đạo bộ máy tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2024, triển khai đầy đủ, kịp thời các chủ trương, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị và báo cáo chi tiết kết quả thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao, Phân tích lựa chọn, đàm phán, quyết định ký kết các hợp đồng và thời hạn phù hợp để tối ưu hiệu quả kinh doanh; Bảo đảm tình trạng kỹ thuật của đội tàu, giảm định mức nhiên liệu để tăng hiệu quả khai thác, nâng cao chất lượng dịch vụ đồng thời giảm các chi phí phát sinh liên quan (off hire, PSC...). Từ đó những kết quả đạt được vượt mức trên tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh góp phần tiếp tục duy trì và củng cố được lòng tin từ đối tác, khách hàng, cổ đông. Hội đồng Quản trị tin tưởng với các giải pháp chắc chắn, linh hoạt trong công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc sẽ góp phần giữ được sự ổn định trong hoạt động kinh doanh, trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều khó khăn, đặc biệt là xung đột quân sự, bất ổn chính trị leo thang tại Trung Đông, chiến sự Nga-Ukraine và tình trạng tắc nghẽn tại các cảng chính trên thế giới diễn ra thường xuyên đã ảnh hưởng trực tiếp, toàn diện lên ngành Hàng hải thế giới cũng như đội tàu Vitranschart.

HDQT đánh giá Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong năm 2024.

3. Kế hoạch, định hướng của HDQT:

- Tiếp tục theo sát và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện mục tiêu lành mạnh hóa tình hình tài chính Công ty để duy trì hoạt động SXKD ổn định và phát triển.

- Tiếp tục nghiên cứu, đánh giá các lĩnh vực kinh doanh có tính khả thi và hiệu quả, cụ thể:

+ Đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu và cho thuê thuyền viên.

+ Mở rộng dịch vụ quản lý và khai thác tàu biển.

- Tăng cường công tác kiểm soát rủi ro, quản trị công ty, cải tiến kỹ thuật, tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao năng suất làm việc, cập nhật số liệu sản xuất kinh doanh một cách kịp thời, qua đó góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm;

- Tiếp tục nâng cao đời sống và thu nhập cho người lao động, cải thiện môi trường làm việc để hấp dẫn và nâng cao sức sáng tạo, cống hiến, gắn bó của người lao động với Công ty;

- Duy trì và đảm bảo thực hiện việc Công bố thông tin đúng theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh 2025 phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, theo sát diễn biến của nền kinh tế và thị trường vận tải;

- Tập trung nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu đề ra, bao gồm kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư, kế hoạch bán, thanh lý tài sản theo Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên thông qua.

- Phù hợp thẩm quyền được giao, HDQT thực hiện phê duyệt kế hoạch/chủ trương/dự án đầu tư tàu biển và vay vốn phát triển tại các công ty con, theo đó cho phép Hai Dang SMC đầu tư 01 tàu chở hàng có tấn trọng tải 28.000 – 32.000 DWT trong năm 2025.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (tại ngày 31/12/2024)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Huỳnh Nam Anh	Chủ tịch HĐQT	Đại diện: 11.128.186 Cá nhân: 96.962	16,13% 0,14%
2	Trịnh Hữu Lương	Thành viên HĐQT	Đại diện: 9.379.907	13,59%
3	Mai Thị Thu Vân	Thành viên HĐQT	8.002	0,01%
4	Lê Duy Dương	Thành viên HĐQT	Đại diện: 9.379.907	13,59%
5	Nguyễn Hoàng Sang	Thành viên HĐQT	4.000	0,006%

Chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác:

- Ông Huỳnh Nam Anh: Chủ tịch Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng đến ngày 30/09/2024.
- Ông Trịnh Hữu Lương: Chủ tịch Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC đến ngày 30/09/2024.
- Ông Lê Duy Dương: Trưởng Ban Tài chính kế toán Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam-CTCP
- Ông Nguyễn Hoàng Sang: Giám đốc Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng đến ngày 01/07/2024.

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT không thành lập các tiểu ban.

c. Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị công ty đã ban hành 42 nghị quyết và quyết định liên quan đến tất cả các hoạt động công tác tổ chức, nhân sự, sản xuất kinh doanh, đầu tư v.v. Các Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên và phù hợp với Điều lệ Công ty.

Stt	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	01/NQ-HĐQT	02/01/2024	QĐ phê duyệt nguồn nhân sự cán bộ quản lý, điều hành Công ty giai đoạn 2020-2025 và những năm tiếp theo	100%
02	02/NQ-HĐQT	10/01/2024	QĐ tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" năm 2023	100%
03	03/QĐ-HĐQT	11/01/2024	Nghị quyết phiên họp ngày 11/01/2024	100%
04	04/QĐ-HĐQT	11/01/2024	QĐ thành lập Ban Tổ chức ĐHCĐ thường niên 2024	100%
05	05/NQ-HĐQT	11/01/2024	Nghị quyết về chương trình hành động năm 2024 của HĐQT Công ty	100%
06	06/NQ-HĐQT	25/01/2024	QĐ V/v phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 của Công ty TNHH Cung ứng Thuyền viên SCC	100%
07	07/QĐ-HĐQT	02/02/2024	QĐ ban hành Quy chế sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi công ty	100%
08	08/QĐ-HĐQT	02/02/2024	Nghị quyết v/v tổ chức ĐHCĐ thường niên 2024	100%
09	09/NQ-HĐQT	07/03/2024	Nghị quyết Thông qua nội dung chương trình họp và tài liệu ĐHCĐ thường niên 2024	100%
10	10/QĐ-HĐQT	29/03/2024	Nghị quyết phiên họp HĐQT ngày 29/3/2024	100%

11	11/NQ-HĐQT	12/04/2024	Nghị quyết v/v Ký kết hợp đồng giữa Vitranschart với Công ty con	100%
12	12/NQ-HĐQT	22/04/2024	QĐ thành lập Ban Tổ chức lễ kỷ niệm 50 năm thành lập Công ty	100%
13	13/QĐ-HĐQT	27/05/2024	Nghị quyết v/v Triển khai Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ.	100%
14	14/QĐ-HĐQT	27/05/2024	Nghị quyết v/v Thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ	100%
15	15/QĐ-HĐQT	27/05/2024	QĐ thành lập Hội đồng thanh lý, nhượng bán tàu Viễn Đông 3	100%
16	16/QĐ-HĐQT	26/06/2024	QĐ bổ nhiệm lại bà Mai Thị Thu Vân - PTGD công ty	100%
17	17/NQ-HĐQT	26/06/2024	QĐ bổ nhiệm lại bà Lê Kim Phượng - KTT công ty	100%
18	18/QĐ-HĐQT	26/06/2024	Nghị Quyết v/v Thông qua Phương án cho SCCM chuyển dịch văn phòng làm việc của VPĐD SCCM tại Hải Phòng	100%
19	19/NQ-HĐQT	02/07/2024	Nghị quyết v/v ký kết hợp đồng giữ Vitranschart với người có liên quan.	100%
20	20/QĐ-HĐQT	03/07/2024	QĐ v/v thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng	100%
21	21/NQ-HĐQT	12/07/2024	Nghị quyết phiên họp HĐQT ngày 12/7/2024	100%
22	22/QĐ-HĐQT	26/07/2024	QĐ cử cán bộ đi công tác nước ngoài	100%
23	23/QĐ-HĐQT	26/07/2024	QĐ cử cán bộ đi công tác nước ngoài	100%
24	24/QĐ-HĐQT	01/08/2024	QĐ phê duyệt DA bán tàu Viễn Đông 3	100%
25	25/QĐ-HĐQT	12/08/2024	QĐ phê duyệt quy hoạch nguồn nhân sự cán bộ quản lý điều hành giai đoạn 2020-2024 và những năm tiếp theo	100%
26	26/NQ-HĐQT	16/09/2024	Nghị quyết v/v Công tác nhân sự Công ty	100%
27	27/QĐ-HĐQT	19/09/2024	QĐ phê duyệt bán tàu Viễn Đông 3	100%
28	28/QĐ-HĐQT	19/09/2024	QĐ miễn nhiệm nhiệm vụ đại diện vốn và chủ tịch SCCM	100%
29	29/QĐ-HĐQT	19/09/2024	QĐ v/v cử đại diện vốn và giao nhiệm vụ chủ tịch SCCM	100%
30	30/QĐ-HĐQT	19/09/2024	QĐ miễn nhiệm nhiệm vụ đại diện vốn và chủ tịch Hai Dang SMC	100%
31	31/QĐ-HĐQT	19/09/2024	QĐ v/v cử đại diện vốn và giao nhiệm vụ chủ tịch Hai Dang SMC	100%
32	32/QĐ-HĐQT	20/09/2024	QĐ v/v thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng	100%
33	33/NQ-HĐQT	08/10/2024	Nghị quyết phiên họp HĐQT ngày 08/10/2024	100%
34	34/QĐ-HĐQT	30/10/2024	QĐ v/v ban hành Quy chế công tác cán bộ của Vitranschart	100%
35	35/NQ-HĐQT	11/11/2024	Nghị quyết vv đăng ký tăng VĐL, điều chỉnh GCN ĐKDN, ĐKCK bổ sung và ĐKGD chứng khoán bổ sung	100%
36	36/NQ-HĐQT	28/11/2024	Nghị quyết v/v xử lý khoản nợ vay tại MSB	100%
37	37/QĐ-HĐQT	05/12/2024	Nghị quyết v/v Ký Hợp đồng thuê đất và cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đối với Khu I – 428NTT	100%
38	38/QĐ-HĐQT	09/12/2024	QĐ vv kinh phí tổ chức sự kiện Kỷ niệm 50 năm thành lập Vitranschart	100%
39	39/QĐ-HĐQT	10/12/2024	QĐ Phê duyệt quỹ tiền lương và thu nhập năm 2024, tạm giao KH tiền lương và thu nhập năm 2025	100%
40	40/QĐ-HĐQT	25/12/2024	QĐ tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” năm 2024	100%
41	41/QĐ-HĐQT	25/12/2024	QĐ ban hành Quy chế về trình tự thủ tục và hồ sơ mua, bán, đóng mới tàu biển của Vitranschart	100%
42	42/QĐ-HĐQT	31/12/2024	QĐ khen thưởng thành viên BDH vì đã có thành tích xuất sắc mang lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty	100%

d. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

- Ông Huỳnh Nam Anh: Chủ tịch HĐQT Công ty.
- Ông Trịnh Hữu Lương: Thành viên HĐQT Công ty.

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Trong năm 2024, các TV HĐQT, BTGD, BKS và các cán bộ chủ chốt của Công ty đã tham gia các chương trình về quản trị công ty qua hình thức online, và các khóa học E-learning do Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam-CTCP tổ chức:

- Hội Nghị chuyên đề “Văn hóa Doanh nghiệp”; Hội thảo “ESG với các hành động thực tiễn”; “Vì một đại hội cổ đông đổi mới và hiệu quả”
- Chương trình sinh hoạt chuyên môn: một số điểm cần lưu ý liên quan đến Nghị định 13 về bảo vệ dữ liệu cá nhân
- Khóa đào tạo, huấn luyện nội bộ: Lập kế hoạch và tổ chức công việc hiệu quả, Cộng tác nhóm tạo hiệu suất cao, Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng giải quyết vấn đề, Kỹ năng quản lý cảm xúc, Kỹ luật bản thân, Bản đồ hành trình khách hàng và kế hoạch hành động “Lấy khách hàng làm trung tâm”.

2. Ban kiểm soát

a. Danh sách các thành viên Ban kiểm soát (tính tại ngày 31/12/2024)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Vũ Thị Diệp	Trưởng Ban kiểm soát	0	0%
2	Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên Ban kiểm soát	0	0%
3	Nguyễn Quỳnh Liên	Thành viên Ban kiểm soát	17.285	0,026%

** Các thành viên Ban Kiểm soát Công ty làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.*

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát việc chấp hành tuân thủ Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật trong hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị Công ty:

+ Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 về tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2024; bán thanh lý tài sản là tàu biển; triển khai thực hiện dự án xây dựng tòa nhà văn phòng; chi trả tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT, BKS; lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC năm 2024; phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ; ...

+ Giám sát hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị thông qua việc ban hành các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị; ban hành các quy chế, quy định nội bộ; công tác tổ chức các cuộc họp ĐHĐCĐ, cuộc họp Hội đồng quản trị; tham dự và đóng góp ý kiến đối với các nội dung tại cuộc họp của Hội đồng quản trị; ...

- Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát việc chấp hành tuân thủ Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật trong hoạt động quản lý, điều hành của Tổng giám đốc Công ty:

+ Giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết/Quyết định/Văn bản chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

+ Giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty thông qua các báo cáo định kỳ và đột xuất để có ý kiến đóng góp đối với Công ty.

+ Giám sát việc ban hành các quy chế, quy định, quy trình nội bộ và tình hình triển khai thực hiện.

- Thẩm định, đánh giá Báo cáo tài chính:

Ban Kiểm soát thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính, sự phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.

- Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông:

Thực hiện nhiệm vụ theo quy định, Ban Kiểm soát đã thực hiện báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 về kết quả giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty trong công tác quản lý, điều hành; kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát trong năm 2024.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát duy trì tốt mối quan hệ công tác và phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty. Ban Kiểm soát thực hiện đầy đủ các báo cáo giám sát và báo cáo khác khi được yêu cầu.

- Các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong năm 2024:

Stt	Ngày họp	Nội dung	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	11/03/2024	Thông nhất Báo cáo của Ban Kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.	100%	100%
2	27/03/2024	Thực hiện kiểm tra, giám sát và thông qua Báo cáo kiểm tra, giám sát các hoạt động của doanh nghiệp kỳ thực hiện năm 2023.	100%	100%
3	09/08/2024	Thực hiện kiểm tra, giám sát và thông qua Báo cáo kiểm tra, giám sát các hoạt động của doanh nghiệp kỳ thực hiện 06 tháng đầu năm 2024.	100%	100%
4	20/12/2024	Tổng kết kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động năm 2024 và thông nhất kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban Kiểm soát	100%	100%

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, Ban TGD:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

- Chủ tịch HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách, các thành viên Hội đồng quản trị khác và các thành viên Ban kiểm soát của Công ty làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Quỹ lương HĐQT chuyên trách, thù lao không chuyên trách hàng năm được trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch và quyết toán mức thù lao của năm trước. Tại thời điểm báo cáo, quỹ lương HĐQT chuyên trách, mức thù lao không chuyên trách đối với thành viên HĐQT, BKS như sau:

+ Quỹ lương HĐQT chuyên trách năm 2024: 585 triệu đồng

+ Thù lao Thành viên HĐQT, Trưởng BKS: 5 triệu đồng/người/tháng.

+ Thù lao Thành viên BKS: 4 triệu đồng/người/tháng.

- Tổng lương, thưởng của Chủ tịch HĐQT trong năm 2024 là 692 triệu đồng.

- Tổng lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc (3 người) trong năm 2024 là 1,647 tỷ đồng.

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Công đoàn Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (Chủ tịch Công đoàn là thành viên HĐQT Công ty) đã bán 78.900 cổ phần VST từ 01/01/2024 – 31/12/2024.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Hội đồng Quản trị Công ty đã có Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 07/04/2022, Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT ngày 12/04/2024 về việc giao dịch với người có liên quan:

- Hợp đồng cho thuê tàu trần, Hợp đồng quản lý tàu VTC Ocean/ tàu VTC Glory với bên liên quan là Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng (Công ty con, tỷ lệ góp vốn 100%) với tổng giá trị giao dịch năm 2024: 46,4 tỷ đồng;

- Hợp đồng thuê thuyền viên, Hợp đồng cho thuê trang thiết bị văn phòng với Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC (Công ty con, tỷ lệ góp vốn 100%) với tổng giá trị giao dịch năm 2024: 5,2 tỷ đồng và 0,5 tỷ đồng.


d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Tổ chức các cuộc họp theo đúng quy định để trao đổi, phân tích, đi đến quyết định thống nhất các thành viên, chỉ đạo kịp thời các công việc phát sinh.

- Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đúng chức năng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán, Báo cáo tài chính được kiểm toán (đính kèm)
2. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (đính kèm) 

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- UBCKNN
- Sở GD&ĐT Hà Nội
- Lưu TK



Trịnh Hữu Lương



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(đã được kiểm toán)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-41
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-41



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2137/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 25 tháng 11 năm 2024 với mã số doanh nghiệp là 0300448709.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Nam Anh	Chủ tịch
Ông Trịnh Hữu Lương	Ủy viên
Bà Mai Thị Thu Vân	Ủy viên
Ông Lê Duy Dương	Ủy viên
Ông Nguyễn Hoàng Sang	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trịnh Hữu Lương	Tổng Giám đốc
Bà Mai Thị Thu Vân	Phó Tổng Giám đốc tài chính
Ông Vương Nguyễn Triều Quang	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thị Diệp	Trưởng ban
Bà Nguyễn Quỳnh Liên	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này là ông Trịnh Hữu Lương - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán, và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trịnh Hữu Lương

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được lập ngày 24 tháng 02 năm 2025, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Tại thời điểm 31/12/2024, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 734,51 tỷ VND, lỗ lũy kế là 1.375,76 tỷ VND, chỉ tiêu vốn chủ sở hữu âm 669,11 tỷ VND. Đồng thời tại thuyết minh số 19 - Vay, các khoản nợ vay đã quá hạn thanh toán 218,72 tỷ VND. Công ty chưa có phương án hiệu quả để khắc phục khả năng thanh khoản cũng như tìm kiếm được nguồn tiền để thanh toán cho các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng tới trong điều kiện hoạt động bình thường. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		208.182.413.368	225.560.235.350
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	32.588.671.927	29.266.281.987
111	1. Tiền		32.588.671.927	29.266.281.987
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		134.506.197.465	154.023.112.395
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	2.303.696.422	1.431.710.576
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.095.832.181	840.799.009
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	139.304.706.988	160.948.640.936
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(9.198.038.126)	(9.198.038.126)
140	III. Hàng tồn kho	9	28.694.481.051	30.709.440.421
141	1. Hàng tồn kho		28.694.481.051	30.709.440.421
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		12.393.062.925	11.561.400.547
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	4.465.174.849	2.374.477.248
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		7.861.315.901	9.045.218.310
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	66.572.175	141.704.989
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		169.793.374.506	233.259.823.595
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		23.311.896.375	23.249.186.422
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	23.311.896.375	23.249.186.422
220	II. Tài sản cố định		123.188.297.446	180.654.828.605
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	123.084.837.596	180.412.277.159
222	- Nguyên giá		1.252.201.395.273	1.355.539.741.760
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.129.116.557.677)	(1.175.127.464.601)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	103.459.850	242.551.446
228	- Nguyên giá		7.580.995.096	7.580.995.096
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.477.535.246)	(7.338.443.650)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	625.985.288
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	625.985.288
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	4	2.000.000.000	2.000.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.000.000.000	2.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		21.293.180.685	26.729.823.280
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	21.293.180.685	26.729.823.280
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		377.975.787.874	458.820.058.945

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.047.085.949.117	1.364.519.347.786
310	I. Nợ ngắn hạn		942.695.689.518	1.196.465.385.409
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	16.873.201.385	12.541.539.495
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	17.327.893.049	16.385.948.733
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	797.180.007	966.081.065
314	4. Phải trả người lao động		38.935.302.073	35.940.152.730
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	588.184.790.578	754.688.358.682
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	8.750.194.161	5.020.152.205
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	30.006.168.893	29.475.869.654
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	240.580.996.862	339.379.820.692
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.239.962.510	2.067.462.153
330	II. Nợ dài hạn		104.390.259.599	168.053.962.377
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	8.404.589.178	8.404.589.178
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	95.985.670.421	159.649.373.199
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(669.110.161.243)	(905.699.288.841)
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	(669.110.161.243)	(905.699.288.841)
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		689.993.370.000	669.993.370.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		689.993.370.000	669.993.370.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		88.258.000	88.258.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		11.731.245.480	11.731.245.480
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.840.727.077	4.840.727.077
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(1.375.763.761.800)	(1.592.352.889.398)
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		(1.593.635.250.495)	(2.149.500.139.436)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		217.871.488.695	557.147.250.038
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		377.975.787.874	458.820.058.945



Lê Kim Phượng
Người lập, Kế toán trưởng



Mai Thị Thu Vân
Phó Tổng Giám đốc tài chính



Trịnh Hữu Lương
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	496.024.249.089	437.666.578.753
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		496.024.249.089	437.666.578.753
11	4. Giá vốn hàng bán	23	426.665.719.542	445.786.982.439
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		69.358.529.547	(8.120.403.686)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	11.190.991.172	7.175.019.027
22	7. Chi phí tài chính	25	38.898.815.773	50.429.555.474
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		35.176.776.493	43.475.407.392
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	26	6.118.353.853	5.592.023.058
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	36.167.768.679	30.874.558.244
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(635.417.586)	(87.841.521.435)
31	12. Thu nhập khác	28	229.334.119.867	656.087.600.507
32	13. Chi phí khác	29	7.858.397.047	7.827.305.919
40	14. Lợi nhuận khác		221.475.722.820	648.260.294.588
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		220.840.305.234	560.418.773.153
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	2.968.816.539	2.598.368.778
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		217.871.488.695	557.820.404.375
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		217.871.488.695	557.820.404.375
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	3.239	8.379



Lê Kim Phượng
Người lập, Kế toán trưởng



Mai Thị Thu Vân
Phó Tổng Giám đốc tài chính



Trịnh Hữu Lương
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		220.840.305.234	560.418.773.153
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		57.811.805.704	82.478.896.893
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		58.513.190	23.070.195
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(46.424.067.597)	(90.157.176.974)
06	- Chi phí lãi vay		35.176.776.493	46.139.593.170
07	- Các khoản điều chỉnh khác		(189.711.788.915)	(570.817.021.456)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		77.751.544.109	28.086.134.981
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		21.926.324.926	3.566.954.727
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2.014.959.370	11.617.806.550
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		11.400.864.864	(31.864.028.092)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		22.983.825.961	25.096.575.597
14	- Tiền lãi vay đã trả		(9.986.214.549)	(16.053.279.554)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.047.153.159)	(2.627.601.952)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.090.160.670)	(1.024.641.669)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		120.953.990.852	16.797.920.588
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(26.804.169.785)	(15.563.502.293)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		45.491.405.586	87.995.067.862
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(30.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	30.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.444.394.091	5.455.146.183
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		25.131.629.892	77.886.711.752

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		18.869.625.000	20.000.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(161.667.151.608)	(119.824.134.193)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(142.797.526.608)</i>	<i>(99.824.134.193)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		3.288.094.136	(5.139.501.853)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		29.266.281.987	34.476.381.562
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		34.295.804	(70.597.722)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>32.588.671.927</u>	<u>29.266.281.987</u>



Lê Kim Phượng
Người lập, Kế toán trưởng



Mai Thị Thu Vân
Phó Tổng Giám đốc tài chính



Trịnh Hữu Lương
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2137/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 25 tháng 11 năm 2024 với mã số doanh nghiệp là 0300448709.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 689.993.370.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 689.993.370.000 VND; tương đương 68.999.337 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 724 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 655 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ giao nhận hàng hóa, kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế, dịch vụ tiếp vận, dịch vụ khai thuế hải quan, cho thuê kho bãi, container, dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới thuê tàu biển, cân hàng hóa liên quan đến vận tải;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Xuất khẩu lao động;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa tàu biển;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện, thiết bị, phụ tùng ngành vận tải biển, vật tư, hóa chất, sơn phục vụ sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán nguyên vật liệu ngành xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Tại thời điểm 31/12/2024, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 734,51 tỷ VND, lỗ lũy kế là 1.375,76 tỷ VND, chỉ tiêu vốn chủ sở hữu âm 669,11 tỷ VND. Đồng thời tại thuyết minh số 19 - Vay, các khoản nợ vay đã quá hạn thanh toán là 218,72 tỷ VND. Tại thuyết minh số 15- Chi phí phải trả ngắn hạn, chi phí lãi vay phải trả cho các khoản vay quá hạn này là 584,33 tỷ VND.

Công ty đang phấn đấu giảm lỗ tối đa và tìm kiếm cơ hội tái cơ cấu tài chính để bù đắp phần lỗ, đưa lợi nhuận của Công ty về mức cân bằng. Hiện tại, bên cạnh việc thực hiện các giải pháp về kinh doanh - thị trường để gia tăng lợi nhuận, Công ty cũng đã đạt thỏa thuận tái cơ cấu tài chính với các ngân hàng và dự kiến được miễn giảm nghĩa vụ trả nợ trong năm 2024-2025 với số tiền hơn 530 tỷ VND, chưa kể đội tàu 4 chiếc hiện đã hết khấu hao nhưng giá trị thị trường đủ khả năng trả nợ vay. Với các kế hoạch và định hướng đã đề ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

Trong năm, Công ty được Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh NHPT khu vực Đông Bắc và Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch II xóa nợ lãi tính trên lãi chậm trả với số tiền là 190,37 tỷ VND, Công ty đang ghi nhận vào khoản thu nhập khác (thuyết minh số 28).

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2024 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC (SCCM)	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Xuất khẩu lao động, cung ứng thuyền viên
Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Vận tải tàu biển

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng phải trả;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá xấp xỉ thực tế do tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc: Công ty sử dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 12	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 20	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 08	năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 36 tháng.

- Chi phí sửa chữa lớn của Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 30 tháng theo chu kỳ lên đà sửa chữa của các tàu.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 tháng đến 36 tháng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tàu biển và dịch vụ vận tải.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Tiền mặt	42.791.000	18.327.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	32.537.226.613	29.247.954.987
+ Tiền Việt Nam	18.261.644.306	7.134.172.940
+ Ngoại tệ	14.275.582.307	22.113.782.047
Tiền đang chuyển	8.654.314	-
	<u><u>32.588.671.927</u></u>	<u><u>29.266.281.987</u></u>

(*) Gồm tiền lương tháng 12 chưa thanh toán và các khoản phải trả người lao động khác

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	-	-
- Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	-	-
	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	-	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về đơn vị nhận đầu tư

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận	Tp.Hồ Chí Minh	10,00%	10,00%	Kinh doanh bất động sản cho thuê

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
Evergreen Marine Corporation	735.092.373	-	322.906.984	-
Daiichi Chuo Naiko Kaisha	1.364.729.988	-	45.397.056	-
Vinabridge Shipping Co.,Ltd	-	-	897.686.625	-
Các khách hàng khác	203.874.061	(164.122.591)	165.719.911	(164.122.591)
	2.303.696.422	(164.122.591)	1.431.710.576	(164.122.591)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
Công ty TNHH Thang máy Việt Trí	441.311.200	-	-	-
Công ty TNHH Cơ khí Hàng hải Đại dương xanh	306.707.000	-	-	-
Eol Shipping Limited	1.051.742.456	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	296.071.525	-	840.799.009	-
	2.095.832.181	-	840.799.009	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
<i>a.1) Chi tiết theo nội dung</i>				
Phải thu về lãi tiền gửi	1.309.282.193	-	-	-
Tạm ứng	5.119.949.274	-	6.993.424.180	-
Ký cược, ký quỹ	122.016.500.000	-	140.016.500.000	-
Khoản tiền hỗ trợ sửa chữa tàu Vinashin Eagle	9.033.915.535	(9.033.915.535)	9.033.915.535	(9.033.915.535)
Phải thu khác	1.825.059.986	-	4.904.801.221	-
	139.304.706.988	(9.033.915.535)	160.948.640.936	(9.033.915.535)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin	9.033.915.535	(9.033.915.535)	9.033.915.535	(9.033.915.535)
Ngân hàng TMCP Phương Đông	45.500.000.000	-	48.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP An Bình	-	-	81.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	61.500.000.000	-	11.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	15.000.000.000	-	-	-
First Marine Service Co., Ltd	-	-	185.830.557	-
Daiichi Chuo Naiko Kaisha	247.598.350	-	1.193.656.055	-
Các đối tượng khác	8.023.193.103	-	10.535.238.789	-
	139.304.706.988	(9.033.915.535)	160.948.640.936	(9.033.915.535)
b) Dài hạn				
b.1) Chi tiết theo nội dung				
Ký cược, ký quỹ	23.311.896.375	-	23.249.186.422	-
	23.311.896.375	-	23.249.186.422	-
b.2) Chi tiết theo đối tượng				
Công ty TNHH Trung Thủy Lancaster	19.194.718.575	-	19.194.686.422	-
Phải thu khác	4.117.177.800	-	4.054.500.000	-
	23.311.896.375	-	23.249.186.422	-

(*) Khoản ký quỹ để thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2015/HĐ-TTL ngày 24/07/2015 với Công ty TNHH Trung Thủy Lancaster. Hợp đồng hợp tác đầu tư lập ra pháp nhân mới là Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận để thực hiện dự án căn hộ kết hợp thương mại dịch vụ tại khu II số 428 Nguyễn Tất Thành, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Khoản ký quỹ này đã được Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam phong tỏa. Xem thêm tại Thuyết minh số 04 - Các khoản đầu tư tài chính và Thuyết minh số 18 - Phải trả khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

8 . NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin	9.033.915.535	-	9.033.915.535	-
- Các khoản khác	164.122.591	-	164.122.591	-
	9.198.038.126	-	9.198.038.126	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	24.050.371.279	-	24.902.144.540	-
Công cụ, dụng cụ	4.644.109.772	-	5.807.295.881	-
	28.694.481.051	-	30.709.440.421	-

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	8.191.134.400	5.870.152.613	1.334.432.444.203	7.046.010.544	1.355.539.741.760
- Mua trong năm	-	264.730.000	-	80.544.545	345.274.545
- Thanh lý, nhượng bán	-	(857.884.431)	(102.789.345.965)	(36.390.636)	(103.683.621.032)
Số dư cuối năm	8.191.134.400	5.276.998.182	1.231.643.098.238	7.090.164.453	1.252.201.395.273
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	8.191.134.400	5.386.387.534	1.155.029.581.715	6.520.360.952	1.175.127.464.601
- Khấu hao trong năm	-	553.340.871	56.768.383.238	350.989.999	57.672.714.108
- Thanh lý, nhượng bán	-	(857.884.431)	(102.789.345.965)	(36.390.636)	(103.683.621.032)
Số dư cuối năm	8.191.134.400	5.081.843.974	1.109.008.618.988	6.834.960.315	1.129.116.557.677
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	483.765.079	179.402.862.488	525.649.592	180.412.277.159
Tại ngày cuối năm	-	195.154.208	122.634.479.250	255.204.138	123.084.837.596

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay: 121.776.131.543 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 286.940.064.208 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	7.580.995.096	7.580.995.096
Số dư cuối năm	<u>7.580.995.096</u>	<u>7.580.995.096</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	7.338.443.650	7.338.443.650
- Khấu hao trong năm	139.091.596	139.091.596
Số dư cuối năm	<u>7.477.535.246</u>	<u>7.477.535.246</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	242.551.446	242.551.446
Tại ngày cuối năm	<u>103.459.850</u>	<u>103.459.850</u>

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	8.234.521
Chi phí bảo hiểm ô tô, đội tàu, hỏa hoạn	2.666.049.233	1.099.971.033
Chi phí sửa chữa	1.326.144.629	600.276.726
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	472.980.987	665.994.968
	<u>4.465.174.849</u>	<u>2.374.477.248</u>
b) Dài hạn		
Sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ (*)	20.676.309.046	25.981.158.667
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	608.536.329	735.286.785
Chi phí trả trước dài hạn khác	8.335.310	13.377.828
	<u>21.293.180.685</u>	<u>26.729.823.280</u>

(*) Căn cứ quy định kiểm tra, phân cấp tàu biển Việt Nam theo chu kỳ 5 năm (trong đó kiểm tra trên đà được tiến hành 2 lần trong một chu kỳ 5 năm với thời hạn không quá 3 năm giữa 2 lần lên đà). Trong năm, Công ty thực hiện sửa chữa lên đà tàu VTC Ocean và Viễn Đông 3.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Bên khác	16.873.201.385	16.873.201.385	12.541.539.495	12.541.539.495
- Công ty Cổ phần Dầu Khí Quốc Tế PS	2.272.273.751	2.272.273.751	5.100.448.739	5.100.448.739
- Công ty TNHH TM & DV Hồng Thụ	216.389.424	216.389.424	866.389.424	866.389.424
- Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	-	-	422.771.500	422.771.500
- Công ty TNHH TMDV Tuấn Anh	514.221.664	514.221.664	864.221.664	864.221.664
- Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Công nghiệp Hàng hải Sài Gòn	2.892.801.339	2.892.801.339	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	10.977.515.207	10.977.515.207	5.287.708.168	5.287.708.168
	16.873.201.385	16.873.201.385	12.541.539.495	12.541.539.495

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên khác		
- Daedong Shipping Co., Ltd	9.632.655.746	16.060.461.235
- Chen Ship Management Pte., Ltd	7.695.237.303	-
- Người mua trả tiền trước khác	-	325.487.498
	17.327.893.049	16.385.948.733

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	113.037.507	5.175.583.055	5.303.272.734	14.652.172	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	31.004.583	31.004.583	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	140.704.989	819.194.307	3.019.607.485	3.047.153.159	51.920.003	702.863.647
Thuế Thu nhập cá nhân	-	33.849.251	773.464.921	712.997.812	-	94.316.360
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	2.523.104.636	2.523.104.636	-	-
Các loại thuế khác	1.000.000	-	10.000.000	9.000.000	-	-
	141.704.989	966.081.065	11.532.764.680	11.626.532.924	66.572.175	797.180.007

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Chi phí phải trả ngắn hạn		
- Chi phí lãi vay (*)	584.332.176.922	749.099.215.307
- Tiền ăn của thuyền viên	2.120.363.941	4.284.079.425
- Chi phí phải trả khác	1.732.249.715	1.305.063.950
	588.184.790.578	754.688.358.682
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Chi phí lãi vay	584.332.176.922	749.099.215.307
	584.332.176.922	749.099.215.307

(*) Trong năm, Công ty được xóa tiền lãi tính trên lãi chậm trả đối với khoản vay tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh NHPT Khu vực Đông Bắc là 170.789.098.374 VND và Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch II là 19.579.766.705 VND (thuyết minh số 28).



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước (*)	8.750.194.161	5.020.152.205
	<u>8.750.194.161</u>	<u>5.020.152.205</u>

(*) Đây là doanh thu nhận trước của Deadong Shipping Co.,Ltd và Chenship Management Pte Ltd về cung cấp dịch vụ vận tải biển.

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
a1) Chi tiết theo nội dung		
- Kinh phí công đoàn	3.501.369.934	3.500.887.072
- Bảo hiểm xã hội	967.532.832	942.083.212
- Bảo hiểm y tế	135.181.383	88.259.357
- Bảo hiểm thất nghiệp	72.125.844	67.883.591
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	25.329.958.900	24.876.756.422
	<u>30.006.168.893</u>	<u>29.475.869.654</u>
a2) Chi tiết theo đối tượng		
- Công ty TNHH Trung Thủy Lancaster (1)	19.341.989.689	19.341.982.796
- Khoản mượn tiền bà Dương Thanh Thủy không tính lãi	2.000.000.000	2.000.000.000
- Các khoản phải trả phải nộp khác	8.664.179.204	8.133.886.858
	<u>30.006.168.893</u>	<u>29.475.869.654</u>
b) Dài hạn		
- Phải trả Công ty Đóng tàu Bạch Đằng tàu VTC Phoenix (2)	8.404.589.178	8.404.589.178
	<u>8.404.589.178</u>	<u>8.404.589.178</u>

(1) Khoản nhận đặc cọc từ Công ty TNHH Lancaster Trung Thủy nhằm mục tiêu mua lại phần sở hữu của Công ty tại Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận.

(2) Con tàu VTC Phoenix của Công ty do Công ty Đóng tàu Bạch Đằng đóng tuy nhiên chưa được quyết toán nên Công ty tạm tăng nguyên giá để đưa vào sản xuất kinh doanh. Số tiền 8,4 tỷ là khoản chênh lệch giữa giá trị tạm tăng và giá trị đã thanh toán cho nhà cung cấp.

19 . VAY

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng	20.000.000.000	20.000.000.000	18.869.625.000	20.000.000.000	18.869.625.000	18.869.625.000
- Ngân hàng TMCP An Bình	20.000.000.000	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (1)	-	-	18.869.625.000	-	18.869.625.000	18.869.625.000
Vay dài hạn quá hạn	279.379.820.692	279.379.820.692	7.195.000.000	67.850.000.000	218.724.820.692	218.724.820.692
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM (2)	25.408.220.692	25.408.220.692	-	200.000.000	25.208.220.692	25.208.220.692
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II	8.160.000.000	8.160.000.000	-	8.160.000.000	-	-
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đông Bắc (3)	245.811.600.000	245.811.600.000	7.195.000.000	59.490.000.000	193.516.600.000	193.516.600.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	40.000.000.000	40.000.000.000	22.936.551.170	59.950.000.000	2.986.551.170	2.986.551.170
- Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM (4)	40.000.000.000	40.000.000.000	22.936.551.170	59.950.000.000	2.986.551.170	2.986.551.170
	339.379.820.692	339.379.820.692	49.001.176.170	147.800.000.000	240.580.996.862	240.580.996.862

19 . VAY (tiếp theo)

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM (2)	25.408.220.692	25.408.220.692	-	200.000.000	25.208.220.692	25.208.220.692
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II	8.160.000.000	8.160.000.000	-	8.160.000.000	-	-
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đông Bắc (3)	245.811.600.000	245.811.600.000	7.195.000.000	59.490.000.000	193.516.600.000	193.516.600.000
- Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM (4)	199.649.373.199	199.649.373.199	-	100.677.151.608	98.972.221.591	98.972.221.591
	479.029.193.891	479.029.193.891	7.195.000.000	168.527.151.608	317.697.042.283	317.697.042.283
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(319.379.820.692)	(319.379.820.692)	(30.131.551.170)	(127.800.000.000)	(221.711.371.862)	(221.711.371.862)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	159.649.373.199	159.649.373.199			95.985.670.421	95.985.670.421

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

S T T	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư tại ngày 31/12/2024 (VND)	Phân loại			Mục đích vay	Tình hình	Tài sản bảo đảm	
				Nợ ngắn hạn (VND)	Nợ đã quá hạn thanh toán (VND)	Nợ dài hạn đến hạn trả (VND)				Vay dài hạn (VND)
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Thủ Đức		18.869.625.000	18.869.625.000	-	-	-			
	Số 01/2024/24339899/HDTĐ ngày 27/12/2024	27/12/2025	18.869.625.000	18.869.625.000	-	-	-	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C phục vụ hoạt động kinh doanh	Chưa quá hạn	Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.
2	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM		25.208.220.692	-	25.208.220.692	-	-			
	Số 89/07/HCM ngày 02/01/2007	96 tháng	25.208.220.692	-	25.208.220.692	-	-	Đầu tư đóng tàu chở hàng khô 22.500 DWT-chiếc 02/KH2005 (VTC Phoenix)	Đã quá hạn thanh toán và được gia hạn tới 29/07/2020	Tàu VTC Phoenix, Số hiệu/Số IMO: 3WXR/9536337 theo dự án đầu tư đóng mới tàu chở hàng khô loại 22.500 DWT chiếc số 02/KH2005
3	Ngân hàng Phát triển Việt Nam - khu vực Đông Bắc		193.516.600.000	-	193.516.600.000	-	-			
	Số 83/2011/HĐTĐTTSĐBS-NHPT ngày 27/12/2011	180 tháng	6.860.000.000	-	6.860.000.000	-	-	Đầu tư đóng tàu chở hàng khô 6.500 DWT - Chiếc số 04/KH2004	Đã quá hạn thanh toán và được gia hạn tới tháng 08/2020	Tàu Viễn Đông 5 đã bán ngày 03/07/2019. Hiện tại không còn tài sản bảo đảm
	Số 05/2005/HĐTĐ -TDTW ngày 28/07/2005	144 tháng	99.372.000.000	-	99.372.000.000	-	-	Đầu tư đóng tàu chở hàng khô 22.500 DWT	Đã quá hạn thanh toán và được gia hạn tới tháng 8/2020	Tài sản hình thành từ vốn vay là Tàu chở hàng khô 22.500 DWT - Tàu VTC Dragon

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

S T T	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư tại ngày 31/12/2024 (VND)	Phân loại			Mục đích vay	Tình hình	Tài sản bảo đảm	
				Nợ ngắn hạn (VND)	Nợ đã quá hạn thanh toán (VND)	Nợ dài hạn đến hạn trả (VND)				Vay dài hạn (VND)
	Số 07/2006/HĐTĐSD-TDI ngày 31/08/2011	144 tháng	87.284.600.000	-	87.284.600.000	-	-	Đầu tư đóng tàu chở hàng khô 22.500 DWT	Được gia hạn thanh toán tới tháng 11/2021	Tài sản được hình thành từ vốn vay là Tàu chở hàng khô 22.500 DWT - VTC Phoenix
4	Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM		98.972.221.591	-	-	2.986.551.170	95.985.670.421			
	Biên bản xác nhận và chuyển giao quyền chủ nợ giữa Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Chợ Lớn, Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP. HCM và CTCP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam ngày 20/12/2022. Biên bản xác nhận và chuyển giao quyền chủ nợ giữa Ngân hàng TMCP Bảo Việt, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam và CTCP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam ngày 17/01/2023.		98.972.221.591	-	-	2.986.551.170	95.985.670.421	Các khoản nợ đối với Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Chợ Lớn và Ngân hàng TMCP Bảo Việt phát sinh khi đầu tư mua tàu VTC Glory tải trọng 23.620 DWT đã được chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM	Đang trong hạn thanh toán	- Tàu chở hàng khô VTC Ocean, trọng tải 23.000 tấn, đóng năm 1999, nơi đóng Philippines. - Tàu VTC Glory tải trọng 23.620 DWT
	Tổng cộng		336.566.667.283	18.869.625.000	218.724.820.692	2.986.551.170	95.985.670.421			

c) Số vay quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2024		01/01/2024	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
- Vay	218.724.820.692	584.332.176.922	279.379.820.692	749.099.215.307

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	629.993.370.000	88.258.000	11.199.638.880	4.840.727.077	(2.148.351.647.089)	(1.502.229.653.132)
Tăng vốn trong năm trước	40.000.000.000	-	-	-	-	40.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	557.820.404.375	557.820.404.375
Phân phối lợi nhuận tại Công ty con	-	-	531.606.600	-	(1.817.403.577)	(1.285.796.977)
Giảm khác	-	-	-	-	(4.243.107)	(4.243.107)
Số dư cuối năm trước	669.993.370.000	88.258.000	11.731.245.480	4.840.727.077	(1.592.352.889.398)	(905.699.288.841)
Số dư đầu năm nay	669.993.370.000	88.258.000	11.731.245.480	4.840.727.077	(1.592.352.889.398)	(905.699.288.841)
Tăng vốn trong năm nay	20.000.000.000	-	-	-	-	20.000.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	217.871.488.695	217.871.488.695
Phân phối lợi nhuận tại Công ty con	-	-	-	-	(1.262.661.027)	(1.262.661.027)
Giảm khác	-	-	-	-	(19.700.070)	(19.700.070)
Số dư cuối năm nay	689.993.370.000	88.258.000	11.731.245.480	4.840.727.077	(1.375.763.761.800)	(669.110.161.243)

(*) Căn cứ theo Quyết định số 06/QĐ-HĐQT ngày 25/01/2024 của Công ty Cổ Phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam, Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 của Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC (Công ty con của Công ty) như sau:

<u>Phân phối lợi nhuận</u>	<u>Tại công ty con</u>
	VND
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.262.661.027
Chuyển lợi nhuận về Công ty mẹ	1.474.384.204

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	43,32	298.880.000.000	44,61	298.880.000.000
Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam	11,59	80.000.000.000	8,96	60.000.000.000
Công đoàn Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	2,93	20.195.000.000	3,13	20.984.000.000
Các cổ đông khác	42,16	290.918.370.000	43,30	290.129.370.000
	100,00	689.993.370.000	100,00	669.993.370.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	689.993.370.000	669.993.370.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	669.993.370.000	629.993.370.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	20.000.000.000	40.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	689.993.370.000	669.993.370.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	68.999.337	66.999.337
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	68.999.337	66.999.337
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.999.337	66.999.337
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	68.999.337	66.999.337
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.999.337	66.999.337
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	11.731.245.480	11.731.245.480
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.840.727.077	4.840.727.077
	16.571.972.557	16.571.972.557

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty được Nhà nước cho thuê một số lô đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo hình thức trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước. Cụ thể như sau:

<u>STT</u>	<u>Vị trí</u>	<u>Diện tích</u>	<u>Thời gian thuê</u>
1	428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh	1167 m ²	50 năm từ ngày 05/02/2013
2	438 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh	143,4 m ²	Thuê đất trả tiền hàng năm
3	36 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường ĐaKao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.	431 m ²	Thuê đất trả tiền hàng năm

b) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	561.491,22	911.829,61

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam	1.208.068.467	1.208.068.467
- Các khoản đã xóa nợ khác	7.472.240.260	7.472.240.260

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	18.317.019.671	19.206.515.500
Doanh thu cung cấp dịch vụ	477.707.229.418	418.460.063.253
	<u>496.024.249.089</u>	<u>437.666.578.753</u>

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	17.567.963.455	18.498.920.088
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	409.097.756.087	427.288.062.351
	<u>426.665.719.542</u>	<u>445.786.982.439</u>

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	7.753.676.284	5.455.146.183
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.428.528.977	1.414.117.159
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	8.785.911	305.755.685
	<u>11.190.991.172</u>	<u>7.175.019.027</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	35.176.776.493	43.475.407.392
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.654.740.179	3.709.352.372
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	67.299.101	49.869.791
Chi phí tài chính khác	-	3.194.925.919
	<u>38.898.815.773</u>	<u>50.429.555.474</u>

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí hoa hồng môi giới	6.118.353.853	5.592.023.058
	<u>6.118.353.853</u>	<u>5.592.023.058</u>

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	871.757.690	1.153.570.685
Chi phí nhân công	19.525.810.987	17.777.422.866
Chi phí khấu hao tài sản cố định	603.270.304	552.329.623
Thuế, phí, lệ phí	1.145.637.106	1.227.031.111
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.802.366.849	4.862.434.723
Chi phí khác bằng tiền	8.218.925.743	5.301.769.236
	<u>36.167.768.679</u>	<u>30.874.558.244</u>

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	38.670.391.313	84.702.030.791
Nghĩa vụ nợ được giảm khi thực hiện xong cam kết (*)	190.368.865.079	570.902.797.915
Thu nhập khác	294.863.475	482.771.801
	<u>229.334.119.867</u>	<u>656.087.600.507</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(*) Căn cứ Thông báo số 107/TB-TD1 ngày 27/03/2024 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh NHPT Khu vực Đông Bắc về việc xóa nợ lãi tính trên nợ lãi chậm trả phát sinh đến 21/12/2023 của dự án "Đóng tàu chở hàng khô 22.500 DWT, chiếc số 3/KH 2004 - Tàu VTC Dragon thuộc Công ty Cổ Phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam. Số tiền Công ty được xóa nợ là: 57.005.110.770 VND.

Căn cứ Thông báo số 108/TB-TD1 ngày 27/03/2024 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh NHPT Khu vực Đông Bắc về việc xóa nợ lãi tính trên nợ lãi chậm trả phát sinh đến 21/12/2023 của dự án "Đóng tàu chở hàng khô 22.500 DWT, chiếc số 2/KH 2005 - Tàu VTC Phoenix thuộc Công ty Cổ Phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam. Số tiền Công ty được xóa nợ là: 113.783.987.604 VND.

Căn cứ Thông báo số 242/TB-NHPT.SGDII ngày 27/03/2024 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch II về việc xóa nợ lãi tính trên nợ lãi chậm trả phát sinh đến 21/12/2023 của dự án "Đóng tàu chở hàng khô 6.500 DWT, chiếc số 4/KH 2004 thuộc Công ty Cổ Phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam. Số tiền Công ty được xóa nợ là: 19.579.766.705 VND.

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Các khoản bị phạt	81.500.000	8.008.588
Chi phí lãi phạt đối với các khoản vay đã quá hạn và lãi vay đối với tàu Viễn Đông 5 đã bán	746.264.750	2.664.185.778
Tiền chậm nộp thuế, truy thu thuế	-	168.399.332
Chi phí bồi thường hàng hỏng	2.593.707.984	-
Chi phí khác	4.436.924.313	4.986.712.221
	<u>7.858.397.047</u>	<u>7.827.305.919</u>

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh		
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con SCCM	2.899.729.208	2.598.368.778
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con Hải Đăng	69.087.331	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>2.968.816.539</u>	<u>2.598.368.778</u>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	50.790.946	90.019.566
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	678.489.318	617.702.926
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(3.047.153.159)	(2.627.601.952)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>650.943.644</u>	<u>678.489.318</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	217.871.488.695	557.820.404.375
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	217.871.488.695	557.820.404.375
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	67.273.310	66.570.766
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>3.239</u>	<u>8.379</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.699.919.730	32.618.162.276
Chi phí nhân công	275.524.173.755	248.637.650.152
Chi phí khấu hao tài sản cố định	57.811.805.704	82.478.896.893
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.315.119.764	14.714.423.709
Chi phí khác bằng tiền	99.600.823.121	103.804.430.711
	<u>468.951.842.074</u>	<u>482.253.563.741</u>

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền	32.537.226.613	-	-	32.537.226.613
Phải thu khách hàng, phải thu khác	132.410.365.284	23.311.896.375	-	155.722.261.659
	164.947.591.897	23.311.896.375	-	188.259.488.272
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền	29.247.954.987	-	-	29.247.954.987
Phải thu khách hàng, phải thu khác	153.182.313.386	23.249.186.422	-	176.431.499.808
	182.430.268.373	23.249.186.422	-	205.679.454.795

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024				
Vay và nợ	240.580.996.862	95.985.670.421	-	336.566.667.283
Phải trả người bán, phải trả khác	46.879.370.278	8.404.589.178	-	55.283.959.456
Chi phí phải trả	588.184.790.578	-	-	588.184.790.578
	875.645.157.718	104.390.259.599	-	980.035.417.317

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Tại ngày 01/01/2024

Vay và nợ	339.379.820.692	159.649.373.199	-	499.029.193.891
Phải trả người bán, phải trả khác	42.017.409.149	8.404.589.178	-	50.421.998.327
Chi phí phải trả	754.688.358.682	-	-	754.688.358.682
	1.136.085.588.523	168.053.962.377	-	1.304.139.550.900

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . THÔNG TIN KHÁC

Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty đang có khoản đầu tư vào Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2015/HĐ-TTL ngày 24/07/2015 với Công ty TNHH Trung Thủy Lancaster với các nội dung sau:

- Mục đích hợp tác kinh doanh: liên doanh thành lập và điều hành một Công ty TNHH nhằm thực hiện dự án căn hộ kết hợp thương mại dịch vụ tại Khu II số 428 Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh;
- Nội dung hợp tác: thành lập Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận;
- Tỷ lệ, hình thức, tiến độ góp vốn: vốn điều lệ là 20 tỷ VND, tỷ lệ góp vốn bên Công ty là 10% tương đương 2 tỷ VND, bên Công ty TNHH Trung Thủy Lancaster là 90% tương đương 18 tỷ VND;
- Phương án phân chia kết quả kinh doanh: Phân chia lợi nhuận của Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận theo đúng tỷ lệ góp vốn;
- Kết quả kinh doanh đã được phân chia: Dự án vẫn trong giai đoạn triển khai nên vẫn chưa có doanh thu và lợi nhuận để chia;
- Tình hình của hợp đồng tại ngày 31/12/2024: Dự án vẫn đang được UBND thành phố Hồ Chí Minh rà soát trình tự, thủ tục dự án để thực hiện theo đúng quy định.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

a) Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động vận tải biển	Hoạt động kinh doanh dịch vụ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	293.025.523.265	202.998.725.824	496.024.249.089
Chi phí bộ phận trực tiếp	(252.585.356.958)	(174.080.362.584)	(426.665.719.542)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	40.440.166.307	28.918.363.240	69.358.529.547
Tổng chi phí mua TSCĐ			345.274.545
Tài sản bộ phận trực tiếp	326.466.308.952	51.509.478.922	377.975.787.874
Tài sản không phân bổ	-	-	-
Tổng tài sản	326.466.308.952	51.509.478.922	377.975.787.874
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	1.007.223.667.359	39.862.281.758	1.047.085.949.117
Tổng nợ phải trả	1.007.223.667.359	39.862.281.758	1.047.085.949.117

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**b) Theo khu vực địa lý**

	<u>Quốc tế</u>	<u>Trong nước</u>	<u>Tổng cộng toàn doanh nghiệp</u>
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	496.024.249.089	-	496.024.249.089
Tài sản bộ phận			377.975.787.874
Nợ phải trả bộ phận	583.881.582	1.046.502.067.535	1.047.085.949.117

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt trong năm như sau:			
Ông Huỳnh Nam Anh	Chủ tịch HĐQT	692.565.360	594.510.606
Ông Trịnh Hữu Lương	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	650.155.511	596.681.668
Bà Mai Thị Thu Vân	Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGĐ Tài chính	524.869.260	463.611.001
Ông Lê Duy Dương	Ủy viên HĐQT	60.000.000	32.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Sang	Ủy viên HĐQT	60.000.000	32.000.000
Ông Nguyễn Thanh Ngọc	Ủy viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 21/04/2023)	-	16.000.000
Ông Trần Trung Dũng	Ủy viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 21/04/2023)	-	16.000.000
Ông Vương Nguyễn Triều Quang	Phó Tổng giám đốc.	472.022.694	389.648.159
Bà Vũ Thị Diệp	Trưởng ban BKS	60.000.000	48.000.000
Bà Nguyễn Quỳnh Liên	Thành viên BKS	48.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên BKS	48.000.000	24.000.000
Bà Trần Thị Thu Hà	Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 21/04/2023)	-	12.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Lê Kim Phượng
Người lập, Kế toán trưởng



Mai Thị Thu Vân
Phó Tổng Giám đốc tài chính



Trịnh Hữu Lương
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2025



Số: 58. /TCKT
V/v: Giải trình kết quả kiểm toán
BCTC Tổng hợp và Hợp nhất năm 2024.

TP Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 3 năm 2025

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (Mã chứng khoán: VST) xin giải trình các nội dung tại Báo cáo Tài chính (BCTC) đã được kiểm toán năm 2024 của Công ty so với cùng kỳ năm trước như sau:

1. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2024 thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

ĐVT: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước	So sánh (tăng + / giảm -)	
			Giá trị	%
Tổng doanh thu Hợp nhất	736.549	1.100.929	-364.380	-33%
<i>Trong đó, số liệu Tổng hợp</i>	<i>443.047</i>	<i>869.148</i>	<i>-426.101</i>	<i>-49%</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN Hợp nhất	217.871	557.820	-339.949	-61%
<i>Trong đó, số liệu Tổng hợp</i>	<i>207.672</i>	<i>563.711</i>	<i>-356.039</i>	<i>-63%</i>

Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, theo đó lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024 lãi gần 218 tỷ đồng, giảm lãi gần 340 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023 chủ yếu do khoản thu nhập khác giảm mạnh, cụ thể:

(i) Khoản thu nhập từ miễn trừ nghĩa vụ trả nợ ngân hàng giảm hơn 381 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, do năm nay Công ty được Ngân hàng Phát triển Việt Nam xóa lãi phạt trên lãi của các khoản vay đóng tàu với số tiền hơn 190 tỷ đồng, trong khi năm 2023 Công ty được các ngân hàng thương mại giảm trừ nghĩa vụ trả nợ hơn 571 tỷ đồng đối với khoản vay vốn lựu động và vay mua tàu.

(ii) Thu nhập từ việc nhượng bán tài sản giảm 46 tỷ đồng do tàu nhỏ hơn.

(iii) Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng hơn 87 tỷ đồng so với năm 2023 do thị trường vận tải biển tăng nhẹ từ đầu năm 2024 cùng với việc áp dụng các giải pháp tiết giảm chi phí góp phần giảm giá vốn hàng bán và nâng cao hiệu quả trong năm.

2. Giải trình ý kiến kiểm toán

(1) Kiểm toán lo ngại khả năng hoạt động liên tục, do bởi chỉ tiêu lũy kế lợi nhuận kế toán âm và nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn: Đây là đặc điểm chung của các doanh

nghiệp vận tải biển trong thời gian tái cơ cấu. Công ty đang phấn đấu giảm lỗ tối đa và tìm kiếm cơ hội tái cơ cấu tài chính để bù đắp phần lỗ, đưa lợi nhuận của Công ty về mức cân bằng. Hiện tại, bên cạnh việc thực hiện các giải pháp về kinh doanh - thị trường để gia tăng lợi nhuận, Công ty cũng đã đạt thỏa thuận tái cơ cấu tài chính với các ngân hàng còn lại và dự kiến tiếp tục được ngân hàng miễn giảm nghĩa vụ trả nợ trong năm 2025. Từ thực tế nêu trên, Công ty có đủ cơ sở giả định hoạt động liên tục trong thời gian tới.

(2) Khoản phạt 29,306 tỷ đồng từ Ngân hàng TMCP Bảo Việt chưa được Công ty ghi nhận năm 2022: Đây là khoản phí phạt phát sinh sau khi ngân hàng bán và chuyển giao khoản nợ cho DATC, theo đó Công ty không có nghĩa vụ trả khoản phạt này cho DATC theo thỏa thuận hai bên đã ký kết.

Các giải pháp khắc phục ý kiến kiểm toán:

1- Công ty tranh thủ tận dụng cơ hội thị trường để ký hợp đồng cho thuê tàu và thuyền viên theo hướng có lợi, đồng thời tăng cường kiểm soát chi phí để cải thiện kết quả kinh doanh.

2- Tập trung thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025 của Công ty, trong đó có việc triển khai nhóm giải pháp giảm lỗ và duy trì hoạt động SXKD nói chung cũng như đội tàu Vitranschart nói riêng, bao gồm các giải pháp về kinh doanh - thị trường, về quản trị tài chính, tái cơ cấu tài chính, tăng doanh thu, giảm chi phí, tăng cường quản lý kỹ thuật đội tàu,...

3- Tiếp tục đàm phán với Ngân hàng Phát triển Việt Nam để tìm phương án tái cơ cấu tối ưu khoản nợ tại ngân hàng này nhằm giảm chi phí lãi vay.

Trên đây là ý kiến giải trình của VST, kính trình Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội được biết.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận :

- Như trên
- HĐQT, BKS (báo cáo)
- Tký Cty
- Lưu VT, TCKT

